

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Đặng Thị Phương Hạnh
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Phương

HẢI PHÒNG - 2015

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
TNHH QUỐC TẾ SIN JOO BO VIỆT NAM**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Đặng Thị Phương Hạnh
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Phương**

HẢI PHÒNG - 2015

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đặng Thị Phương Hạnh

Mã SV: 1112401185

Lớp: QT1504K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH quốc tế Sin Joo Bo Việt Nam

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Khái quát được lý luận chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Phản ánh được thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH quốc tế Sin Joo Bo Việt Nam.

- Đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH quốc tế Sin Joo Bo Việt Nam.

Từ đó đưa ra những giải pháp hoàn thiện.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Số liệu năm 2014 tại Công ty TNHH quốc tế Sin Joo Bo Việt Nam

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH quốc tế Sin Joo Bo Việt Nam

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Trần Thị Thanh Phương

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH quốc tế Sin Joo Bo Việt Nam

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:

Học hàm, học vị:

Cơ quan công tác:

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 27 tháng 04 năm 2015

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 18 tháng 07 năm 2015

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đặng Thị Phương Hạnh

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

ThS. Trần Thị Thanh Phương

Hải Phòng, ngày...tháng...năm 2015

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chịu khó và chăm chỉ học hỏi, nghiên cứu tài liệu phục vụ cho quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu.
- Tuân thủ nghiêm túc yêu cầu về thời gian và nội dung nghiên cứu.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- Về mặt lý luận: Tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về đối tượng nghiên cứu.
- Về mặt thực tế: Tác giả đã phản ánh được thực trạng của đối tượng nghiên cứu.
- Những giải pháp mà tác giả đề xuất đã gắn với thực tiễn và có tính khả thi.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng...năm 2015

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	2
1.1.Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	2
1.1.1. Khái niệm về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	2
1.1.1.1. <i>Doanh thu</i>	2
1.1.1.2. <i>Chi phí</i>	3
1.1.1.3. <i>Xác định kết quả kinh doanh</i>	4
1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	4
1.1.3.Vai trò và ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	5
1.1.4.Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	6
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ SIN JOO BO VIỆT NAM	26
2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH quốc tế Sin Joo Bo Việt Nam	26
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH quốc tế Sin Joo Bo Việt Nam	26
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.....	27
2.1.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty	28
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH quốc tế Sin Joo Bo Việt Nam.....	32
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác:	32
2.2.1.1. <i>Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i> :.....	32
2.2.1.2. <i>Kế toán doanh thu hoạt động tài chính</i>	37
2.2.1.3. <i>Kế toán thu nhập khác</i> :	41
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp,	

chi phí tài chính và chi phí khác:	42
2.2.2.1. <i>Kế toán giá vốn hàng bán</i>	42
2.2.2.2. <i>Kế toán chi phí bán hàng</i>	47
2.2.2.3. <i>Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	52
2.2.2.4. <i>Kế toán chi phí tài chính</i>	57
2.2.2.5. <i>Kế toán chi phí khác</i>	61
2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	62
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ SIN JOO BO VIỆT NAM	74
3.1 Đánh giá chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH quốc tế Sin Joo Bo Việt Nam.....	74
3.1.1 Kết quả đạt được	74
3.1.2 Hạn chế.....	75
3.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH quốc tế Sin Joo Bo Việt Nam.....	76
3.2.1. Hoàn thiện chứng từ kế toán:	76
3.2.2. Hoàn thiện tài khoản kế toán:.....	76
3.2.3. Hoàn thiện sổ sách kế toán:.....	76
3.2.4. Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán:	85
3.2.5. Sử dụng phần mềm kế toán:	86
KẾT LUẬN	90
TÀI LIỆU THAM KHẢO	91

LỜI NÓI ĐẦU

Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường cùng với xu thế hội nhập hợp tác quốc tế đang diễn ra ngày càng sâu rộng, mỗi doanh nghiệp dù ở bất cứ thành phần kinh tế nào, ở bất cứ ngành nghề nào, đều phải đối mặt với những khó khăn thử thách và những sự cạnh tranh gay gắt. Điều này đòi hỏi mỗi doanh nghiệp đều phải không ngừng nâng cao hiệu quả kinh doanh, hiệu quả sử dụng vốn, nâng cao năng lực quản lý, khả năng sử dụng nguồn nhân lực và tài sản của doanh nghiệp. Để nâng cao năng lực quản lý, doanh nghiệp phải sử dụng hàng loạt các công cụ quản lý khác nhau, trong đó vấn đề lớn nhất mà doanh nghiệp quan tâm là làm thế nào để đạt được hiệu quả kinh doanh cao nhất tức là tối đa hóa được lợi nhuận và giảm thiểu hóa chi phí.

Nhận thức được điều đó, qua một thời gian thực tập, tìm hiểu về việc tổ chức kế toán tài chính tại công ty TNHH quốc tế Sin Joo Bo Việt Nam, được sự hướng dẫn tận tình của cô giáo ThS. Trần Thị Thanh Phương và được các anh chị trong phòng kế toán của công ty tạo điều kiện, giúp đỡ, em đã lựa chọn đề tài khóa luận tốt nghiệp: “*Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH quốc tế Sin Joo Bo Việt Nam*”. Khóa luận của em gồm 3 chương:

CHƯƠNG 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

CHƯƠNG 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH quốc tế Sin Joo Bo Việt Nam

CHƯƠNG 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH quốc tế Sin Joo Bo Việt Nam.

Do thời gian còn nhiều hạn chế, phạm vi đề tài rộng, thời gian thực tế chưa nhiều nên báo cáo của em khó tránh khỏi những thiếu sót. Em mong nhận được sự đóng góp và ý kiến của các thầy cô giáo để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn. Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Đặng Thị Phương Hạnh

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.1. Khái niệm về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.1.1. Doanh thu

- **Doanh thu:** là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- **Doanh thu thuần:** Là khoản doanh thu bán hàng sau khi trừ các khoản giảm trừ doanh thu như: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, các loại thuế không được hoàn lại.

- **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Là tổng giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có)

- **Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:**

Hàng bán bị trả lại: Là số hàng đã được coi là tiêu thụ nhưng bị người mua từ chối, trả lại do không tôn trọng hợp đồng kinh tế như đã ký kết. Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng hàng bị trả lại, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hóa đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hóa đơn (nếu trả lại một phần).

Giảm giá hàng bán: Là số tiền giảm trừ cho khách ngoài hoá đơn hay hợp đồng cung cấp dịch vụ do các nguyên nhân đặc biệt như hàng kém phẩm chất, không đúng quy cách, giao hàng không đúng thời gian địa điểm trong hợp đồng ...

Chiết khấu thương mại: Là khoản doanh nghiệp giảm giá niêm yết cho khách hàng mua với khối lượng lớn.

Thuế và các khoản thuế không được hoàn lại:

+Thuế tiêu thụ đặc biệt: được tính cho các doanh nghiệp sản xuất các mặt hàng mà nhà nước không khuyến mãi như: rượu, bia, thuốc lá, vàng mã, bài lá,...

+Thuế xuất khẩu: được tính cho tất cả các tổ chức, cá nhân bán, trao đổi hàng hóa, dịch vụ với nước ngoài

+Thuế GTGT trực tiếp: đơn vị áp dụng thuế GTGT trực tiếp thì kế toán không sử dụng các TK133, 3331 để theo dõi khoản thuế bán ra và thuế mua vào. Cuối mỗi tháng, kế toán phải tổng hợp được doanh số bán ra và doanh số mua vào để tính số thuế GTGT còn phải nộp cho nhà nước

- **Doanh thu hoạt động tài chính:** là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính, bao gồm những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- **Thu nhập khác:** là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài, các hoạt động tạo ra doanh thu.

1.1.1.2. Chi phí

- **Chi phí:** Chi phí của doanh nghiệp là toàn bộ các khoản chi phí cho hoạt động kinh doanh, hoạt động khác mà doanh nghiệp bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

- **Giá vốn hàng bán:** là giá trị vốn sản phẩm, vật tư hàng hóa, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ. Đối với sản phẩm, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất hay chi phí sản xuất. với hàng hóa tiêu thụ giá vốn bao gồm giá mua của hàng hóa tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.

- **Chi phí bán hàng:** là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp.

- **Chi phí hoạt động tài chính:** bao gồm các khoản chi phí đầu tư tài chính hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, giao dịch chứng khoán, khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.. nhằm mục đích sử dụng hợp lý các nguồn vốn, tăng thêm thu nhập nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp

- **Chi phí khác:** là những khoản chi phí khác phát sinh do các sự kiện hay các

nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp như chi phí nhượng bán, thanh lý TSCĐ,... Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế...

- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** thuế TNDN là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế * Thuế suất thuế TNDN

1.1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh

- **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:** là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác trong một kỳ kế toán, là số chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí của các hoạt động kinh tế đã xảy ra trong doanh nghiệp.

Nếu tổng doanh thu lớn hơn tổng chi phí thì doanh nghiệp có lãi, ngược lại nếu tổng doanh thu nhỏ hơn tổng chi phí thì doanh nghiệp lỗ.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh bao gồm:

- **Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh:** Là tổng số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng.

- **Lợi nhuận từ hoạt động tài chính:** là số chênh lệch giữa doanh thu tài chính với chi phí tài chính.

- **Lợi nhuận từ hoạt động khác:** Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác với chi phí khác.

1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

- Theo dõi tình hình hiện có và sự biến động của từng loại thành phẩm, hàng hóa cả về số lượng, chất lượng, chủng loại.

- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước.

- Theo dõi các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí của từng hoạt động như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán... Đồng thời kiểm soát việc thu hồi công nợ của khách hàng.

- Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh, xác lập quá trình luân chuyển chứng từ.

- Lựa chọn đúng phương pháp tính giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hóa.

- Đưa ra các giải pháp để thúc đẩy bán hàng, thu tiền hàng, tăng nhanh vòng quay vốn, cung cấp cho lãnh đạo nhanh chóng, thường xuyên, nhạy bén các thông tin về mua hàng, thanh toán tiền hàng, giá cả, lượng hàng tồn kho để lãnh đạo nghiên cứu, có căn cứ cho những quyết định chỉ đạo điều hành hoạt động mua bán kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.3. Vai trò và ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp có vai trò quan trọng cho sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Từ kết quả hoạt động kinh doanh mà doanh nghiệp có thể đưa ra những chiến lược sản xuất, những phương hướng phát triển cho doanh nghiệp làm sao cho doanh thu của doanh nghiệp đạt được hiệu quả mong muốn, giảm chi phí ở mức thấp nhất có thể.

Để kế toán phát huy được vai trò của mình, đòi hỏi doanh nghiệp phải không ngừng cải thiện và hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán. Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa đối với các bên liên quan như sau:

- Đối với doanh nghiệp:

Công tác này giúp thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho các nhà quản trị doanh nghiệp nhìn nhận, đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình. Trên cơ sở đó đưa ra những quyết định, phương hướng phát triển cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp

- Đối với các nhà đầu tư:

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp. Để từ đó đưa ra những quyết định có nên đầu tư vào doanh nghiệp hay không.

- Đối với các trung gian tài chính:

Đối với ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là điều kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính nhằm đưa ra quyết định có nên cho vay hay không đối với doanh nghiệp đó.

- Đối với nhà nước:
 - Cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu, đảm bảo nguồn thu cho ngân sách quốc gia từ số liệu về doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Từ đó, nhà nước đảm bảo điều kiện về chính trị- an ninh- xã hội tốt nhất, tái đầu tư vào cơ sở hạ tầng.
 - Thông báo tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước của các doanh nghiệp, các nhà hoạch định chính sách quốc gia sẽ có cơ sở để đề ra các giải pháp phát triển nền kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá.
 - Đối với DN có nguồn vốn nhà nước, việc xác định doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không những đem lại nguồn thu cho ngân sách mà còn đảm bảo nguồn vốn đầu tư của nhà nước không bị thất thoát.

- Đối với các cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế:

Nó giúp cho các nhà hoạch định chính sách của nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô được tốt hơn, thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế.

1.1.4. Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.4.1. Kế toán doanh thu

1.1.4.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- **Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở

hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh thu đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

• **Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ.**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy, kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

• **Thời điểm ghi nhận doanh thu.**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận chỉ khi đảm bảo là doanh nghiệp nhận được lợi ích kinh tế từ giao dịch. Nghĩa là khi được khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán

• **Nguyên tắc hạch toán doanh thu**

- Doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và sản phẩm hàng hóa bán ra thuộc diện chịu VAT thì doanh thu là giá không bao gồm VAT.
- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, hoặc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán(bao gồm cả VAT).
- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế TTĐB, thuế xuất khẩu)

- Những doanh nghiệp gia công vật tư, hàng hóa thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận về gia công chế biến nay xuất trở lại.
- Với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.
- Doanh nghiệp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền một lần từ đầu (nhưng trả làm nhiều kỳ) và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phân lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.
- Với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ số tiền thu được chia cho số năm cho thuê tài sản.
- Các trường hợp không được hạch toán vào TK 511:
 - +) Bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ giữa các đơn vị nội bộ với nhau
 - +) Nợ khó đòi đã xử lý nay đòi được (TK 711)
 - +) Các khoản nợ không có người đòi
 - +) Các khoản thu nhập khác

◆ Các phương thức bán hàng


- *Phương thức bán hàng trực tiếp(bán tại chỗ)*: là phương thức khách hàng trực tiếp đến doanh nghiệp để mua hàng không qua kho. Sản phẩm đã giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ. Bán hàng trực tiếp gồm bán buôn và bán lẻ:

+ Bán buôn: là quá trình bán hàng cho các doanh nghiệp thương mại, các tổ chức kinh tế khác. Kết thúc quá trình bán buôn hàng hóa vẫn trong lĩnh vực lưu thông chưa đi vào lĩnh vực tiêu dùng, giá trị sử dụng của hàng hóa chưa được thực hiện. Bán buôn thường là bán khối lượng lớn, theo các hợp đồng kinh tế.

+ Bán lẻ: là giai đoạn cuối cùng của quá trình vận động hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng. Đó là hành vi trao đổi diễn ra hàng ngày thường xuyên của người tiêu dùng. Thời điểm xác định tiêu thụ là khi doanh nghiệp mất đi

quyền sở hữu hàng hóa và có quyền sở hữu tiền tệ.


- *Phương thức gửi hàng đi bán* : Doanh nghiệp gửi hàng đến tận người mua, khi nào người mua thanh toán, thanh toán một phần hoặc chấp nhận thanh toán mới coi là tiêu thụ.
- *Phương thức bán hàng qua đại lý*: doanh nghiệp gửi hàng đi cho đại lý, hàng vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Doanh nghiệp chỉ hạch toán vào doanh thu bán hàng khi đại lý trả tiền hoặc chấp nhận trả tiền cho số hàng gửi bán. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.
- *Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp*: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngày từ đầu không bao gồm tiền lãi trả chậm trả góp. Khách hàng sẽ thanh toán tiền hàng thành nhiều lần. Lần đầu vào thời điểm mua, số tiền còn lại người mua sẽ trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định cho số tiền trả chậm. Về mặt hạch toán khi giao hàng cho người mua, thu được tiền hoặc xác định được phần người mua phải trả thì hàng hóa được coi là tiêu thụ.
- *Phương thức hàng đổi hàng*: Doanh nghiệp đem sản phẩm, vật tư hàng hóa đổi lấy vật tư, hàng hóa khác không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của hàng hóa, vật tư tương ứng trên thị trường

 *Chứng từ sử dụng:*

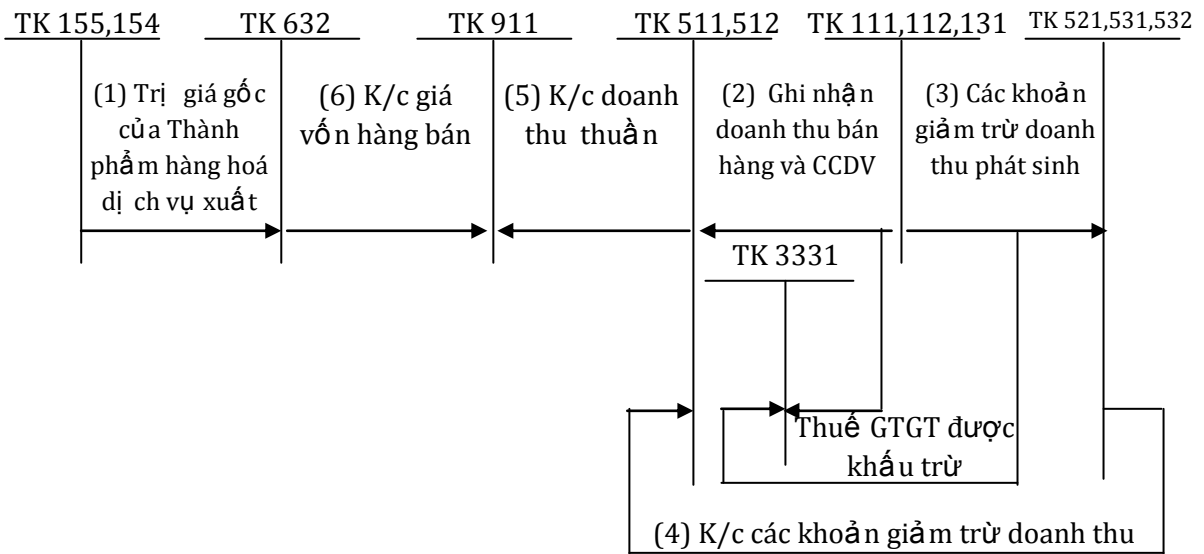
- Hóa đơn GTGT (đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)
- Hóa đơn bán hàng thông thường (đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)
- Hợp đồng kinh tế, phiếu xuất kho, phiếu thu, giấy báo có,....
- Các chứng từ có liên quan khác.

 *Tài khoản sử dụng:*

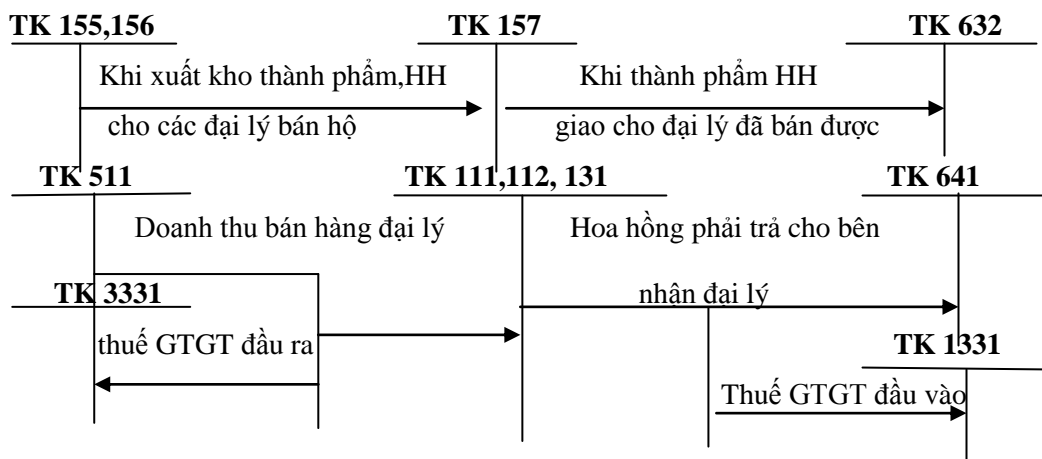
Tài khoản 511: “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

 *Phương pháp hạch toán:*

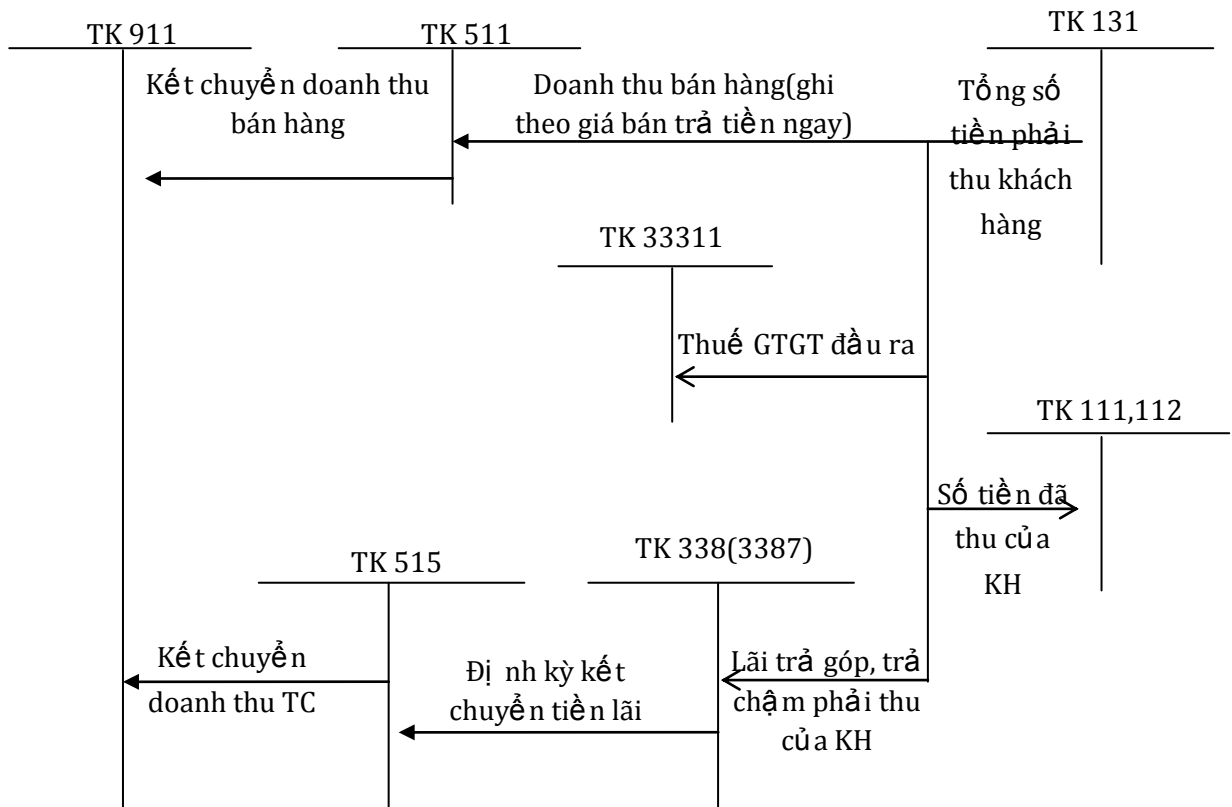
Sơ đồ 1.1: Kế toán bán hàng theo phương thức bán hàng trực tiếp



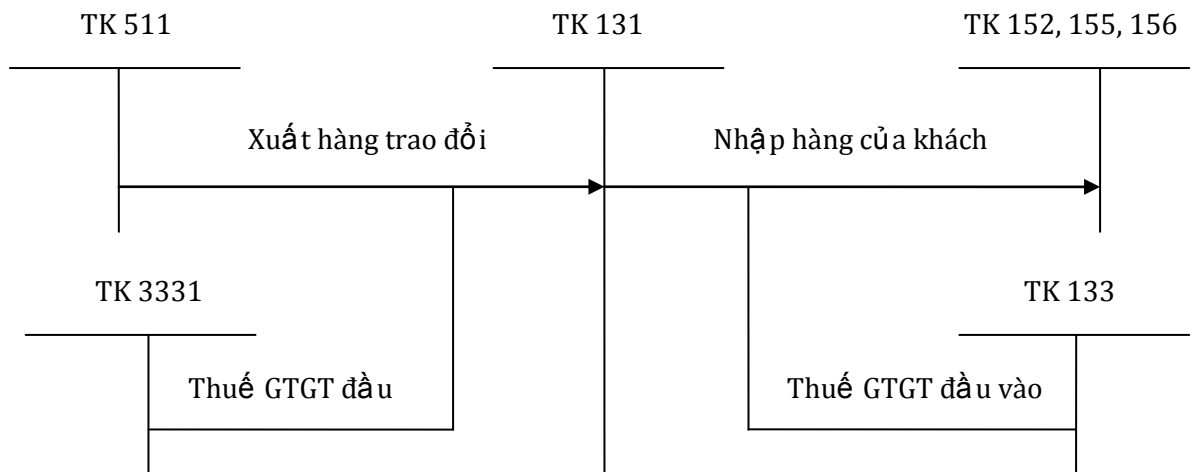
Sơ đồ 1.2: Kế toán bán hàng theo phương thức gửi đại lý



Sơ đồ 1.3: Kế toán bán hàng theo phương thức bán hàng trả chậm, trả góp.




Sơ đồ 1.4: Kế toán bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng




1.1.4.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Nội dung doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

- Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, lãi góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ..
- Thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản (bằng sáng chế, nhãn hiệu, thương hiệu, phần mềm vi tính,...)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia, lãi tỷ giá hối đoái
- Thu nhập từ đầu tư mua bán những khoản ngắn hạn, dài hạn
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vốn khác
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, chuyển nhượng vốn
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác..

 Chứng từ sử dụng

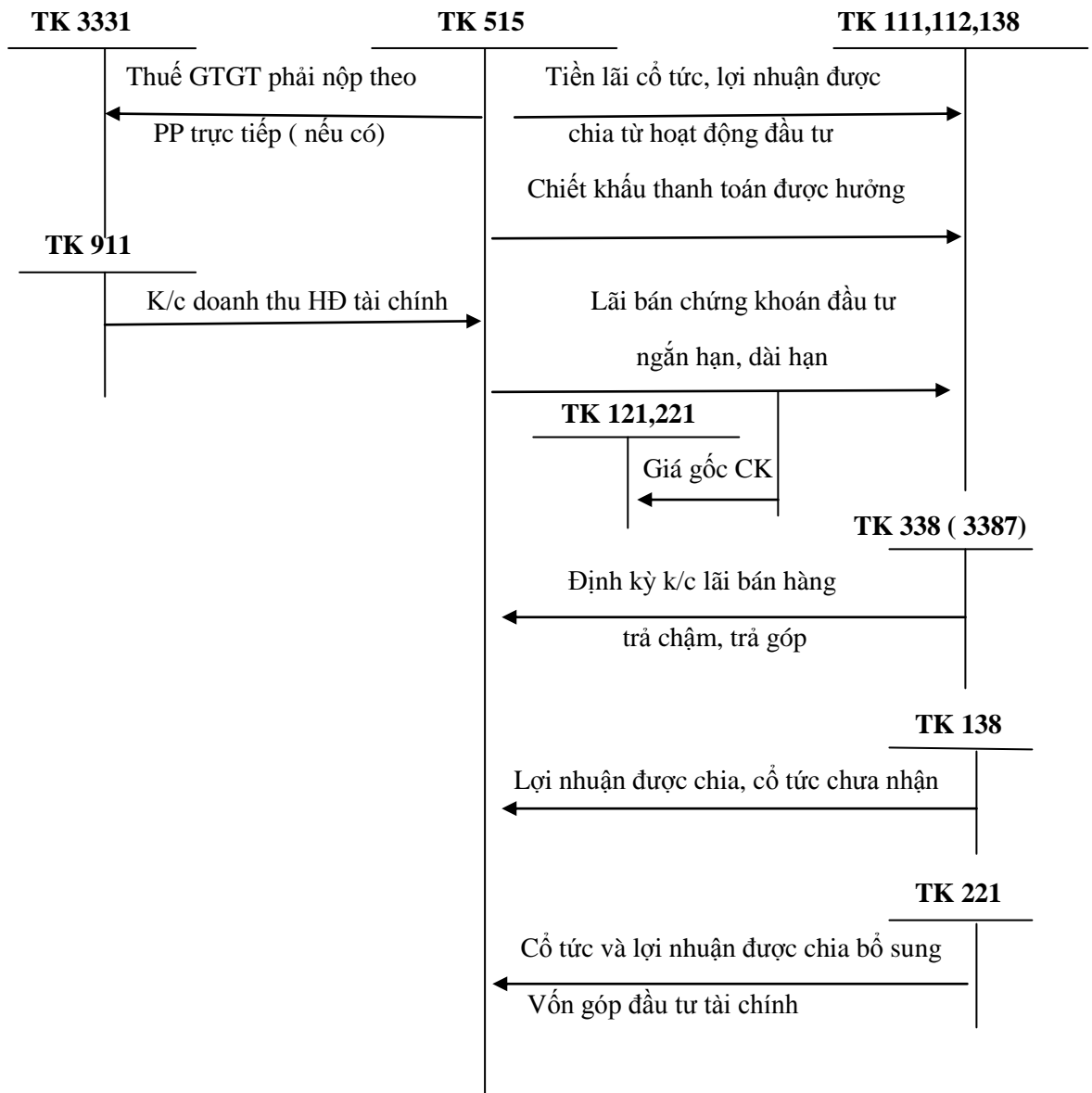
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo có, giấy báo nợ của ngân hàng
- Giấy báo chia lãi cổ tức
- Bản sao kê của ngân hàng và các chứng từ khác liên quan

 Tài khoản sử dụng

TK 515-“ Doanh thu hoạt động tài chính”

✚ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.5: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính




(Nguồn: Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/2006-QĐ/BTC)


1.1.4.1.3. Kế toán thu nhập khác

Nội dung của các khoản thu nhập khác:


Gồm thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ, thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ, các khoản thuế được ngân sách hoàn lại, thu các khoản nợ không xác định được chủ. Các khoản tiền thưởng của khách hàng, thu nhập từ quà tặng,...

 Chứng từ sử dụng

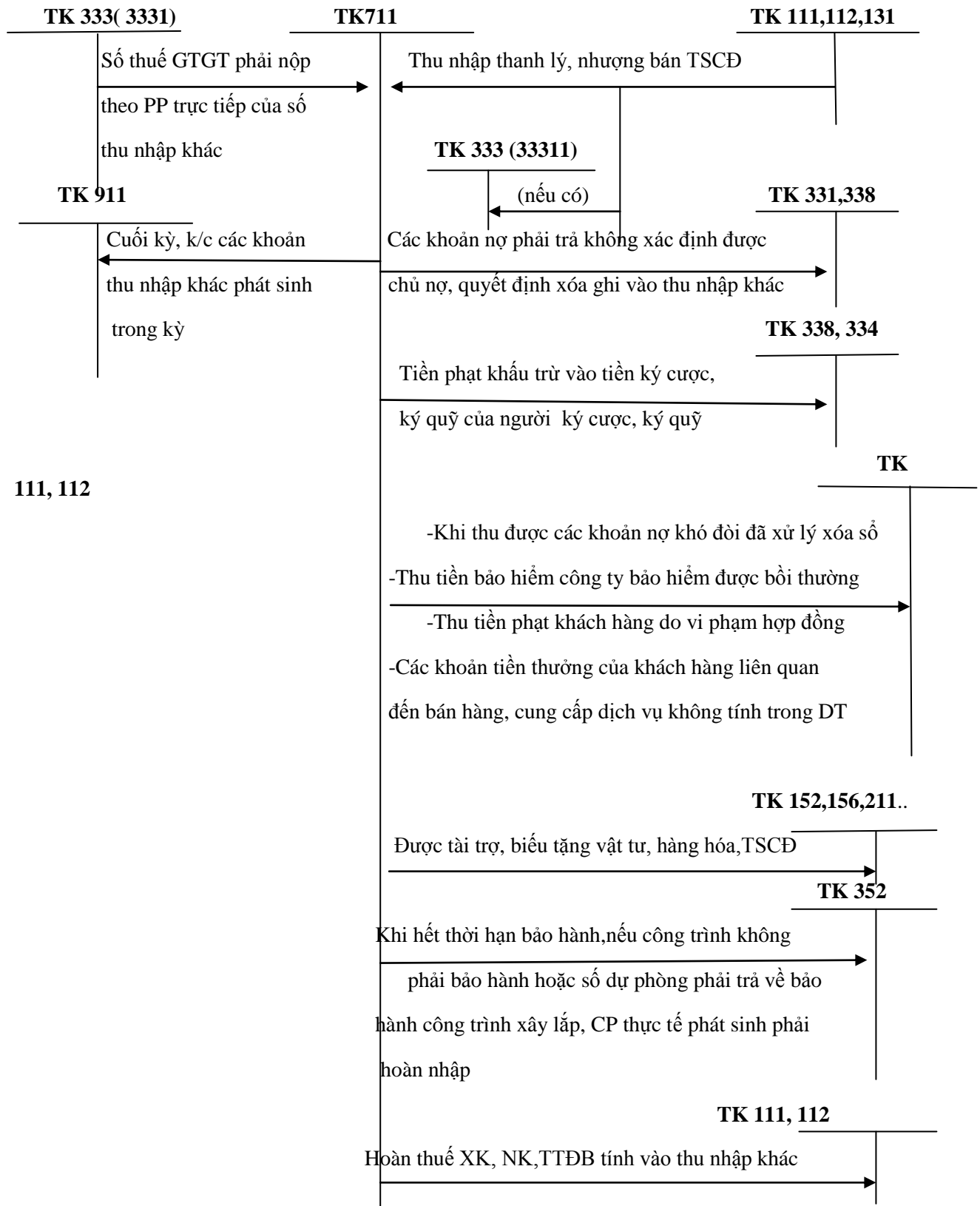
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng...
- Các chứng từ liên quan như: biên bản thanh lý TSCĐ, hợp đồng kinh tế

 Tài khoản sử dụng

TK 711- “Thu nhập khác”

 Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.6: Kế toán thu nhập khác



(Nguồn: Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/2006-QĐ/BTC)

1.1.4.1.4. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

✚ Chứng từ sử dụng

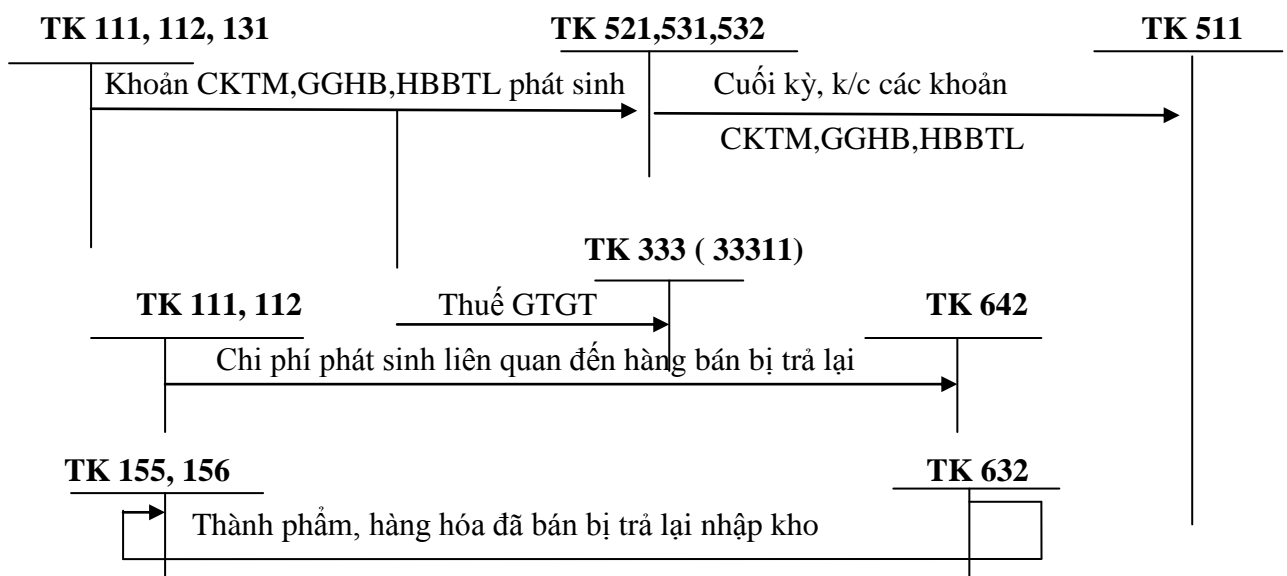
- Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng
- Phiếu nhập kho hàng bị trả lại....
- Các chứng từ khác có liên quan

✚ Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 521: chiết khấu thương mại
- Tài khoản 531: hàng bán bị trả lại
- Tài khoản 532: giảm giá hàng bán

✚ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu



1.1.4.2. Kế toán chi phí

1.1.4.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

Nội dung giá vốn hàng bán bao gồm:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa hoặc dịch vụ đã bán trong kỳ
- Chi phí vượt mức về sản xuất, xây dựng và tự chế TSCĐ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ
- Các khoản hao hụt, mất mát hàng tồn kho sau khi trừ đi phần bồi thường thu được
- Khoản trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư

Các phương pháp xác định giá vốn hàng bán:

Phương pháp bình quân gia quyền:

Giá thực tế của hàng hóa = Số lượng hàng hóa xuất kho * Đơn giá bình quân xuất kho

+ Bình quân gia quyền cả kỳ:

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng hóa nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập kho trong kỳ}}$$

Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ tính toán đơn giản, dễ làm nhưng độ chính xác không cao và chỉ tính được khi đã kết thúc kỳ hạch toán nên công việc dồn vào cuối kỳ

+ Bình quân gia quyền liên hoàn:

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập } i}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn kho sau lần nhập } i}$$

Phương pháp này có độ chính xác cao, phản ánh được tình hình biến động của giá cả, đảm bảo tính kịp thời của số liệu kế nhưng tốn nhiều sức vì tính toán nhiều.

Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)

Theo phương pháp này, kế toán giả định lượng hàng nhập trước sẽ được xuất trước. Xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau. Giá thực tế của hàng nhập trước sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy giá trị hàng tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần cuối cùng hoặc gần cuối kỳ. Phương pháp này thường áp dụng trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm để tránh trường hợp rủi ro.

Phương pháp nhập sau xuất trước (LiFO)

Theo phương pháp này, kế toán giả định hàng nhập sau cùng sẽ được xuất trước tiên. Xuất hết số nhập sau mới đến số nhập trước. Giá trị thực tế của hàng nhập

sau sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần đầu hoặc gần đầu kỳ. Phương pháp này thường áp dụng trong trường hợp lạm phát.

Phương pháp thực tế đích danh

Theo phương pháp này, doanh nghiệp phải quản lý vật tư hàng hóa theo từng lô hàng, giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho cho đến lúc xuất ra (trừ trường hợp điều chỉnh). Khi xuất lô hàng nào thì lấy giá thực tế của lô hàng đó. Phương pháp này thường áp dụng trong các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc các mặt hàng có tính tách biệt (dễ nhận diện), có điều kiện bảo quản riêng từng lô hàng.

Chứng từ sử dụng

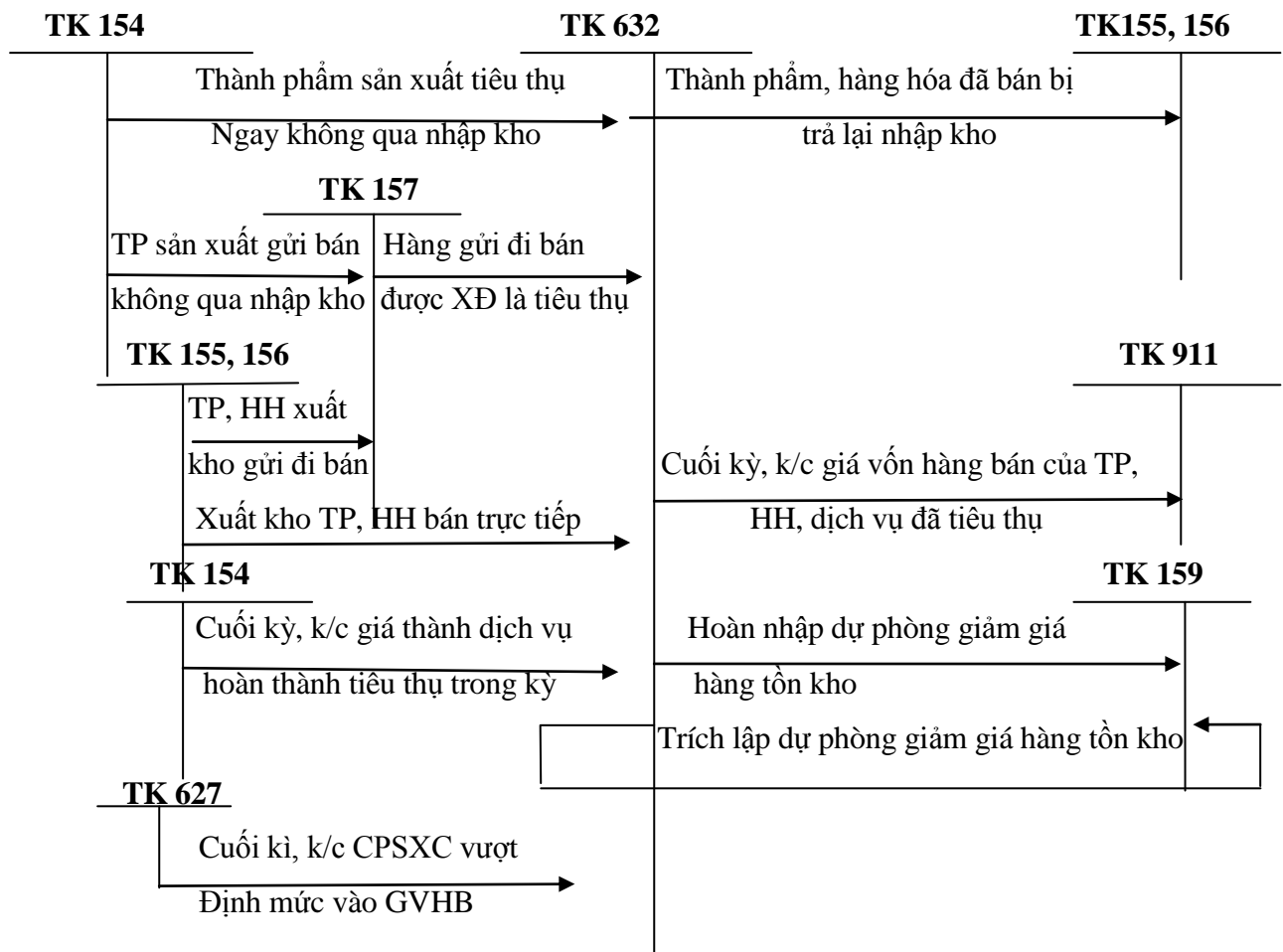
- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ liên quan

Tài khoản sử dụng

Tài khoản 632: “Giá vốn hàng bán”

Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.8: Kế toán giá vốn hàng bán theo PP kê khai thường xuyên



1.1.4.2.2. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT.
- Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương
- Bảng phân bổ công cụ, dụng cụ
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định.
- Phiếu chi, Giấy báo nợ của ngân hàng...

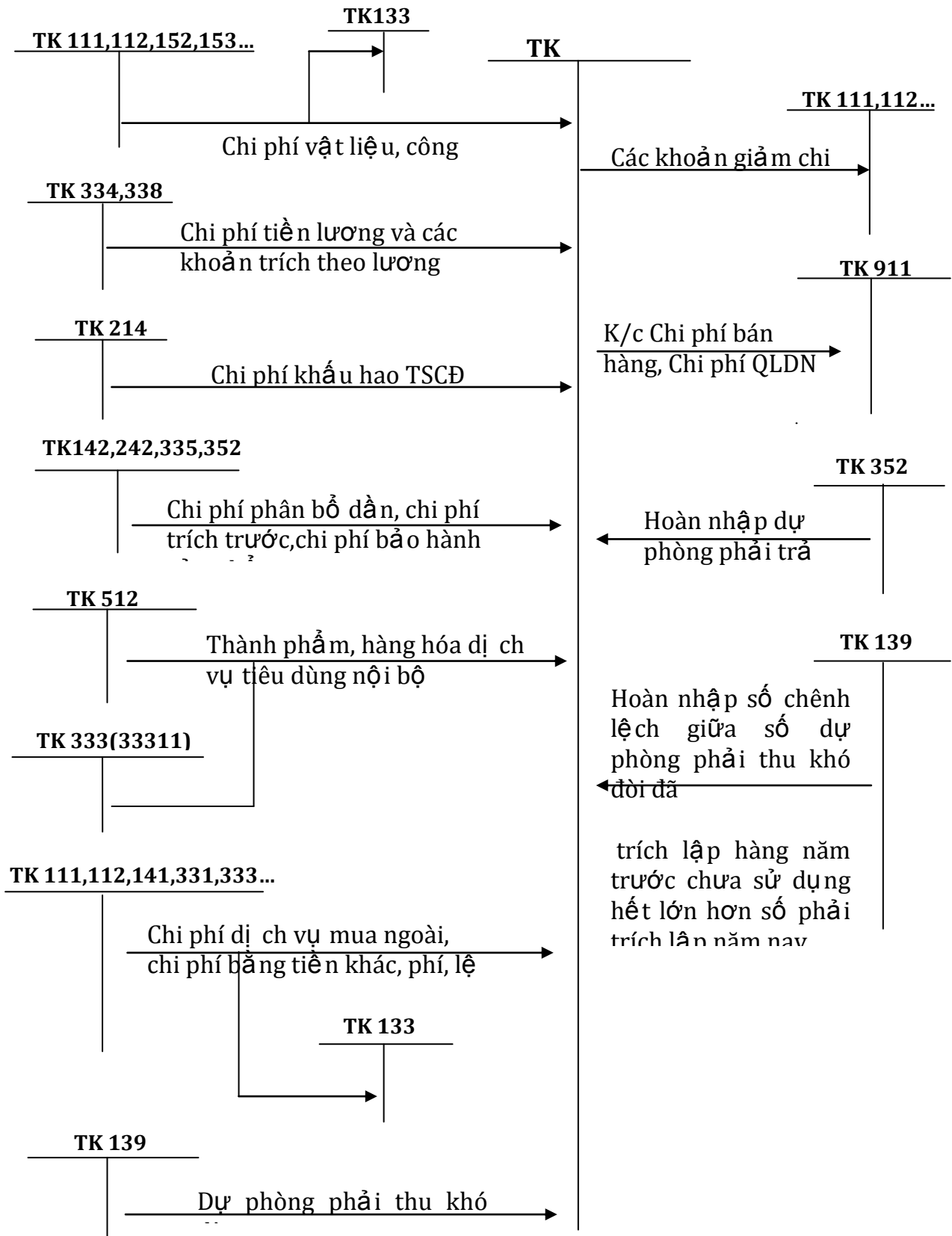
Tài khoản sử dụng

TK 641 : “Chi phí bán hàng”

TK 642 : “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.9 : Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp



(Nguồn: Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/2006-QĐ/BTC)

1.1.4.2.3. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

✚ Chứng từ sử dụng:

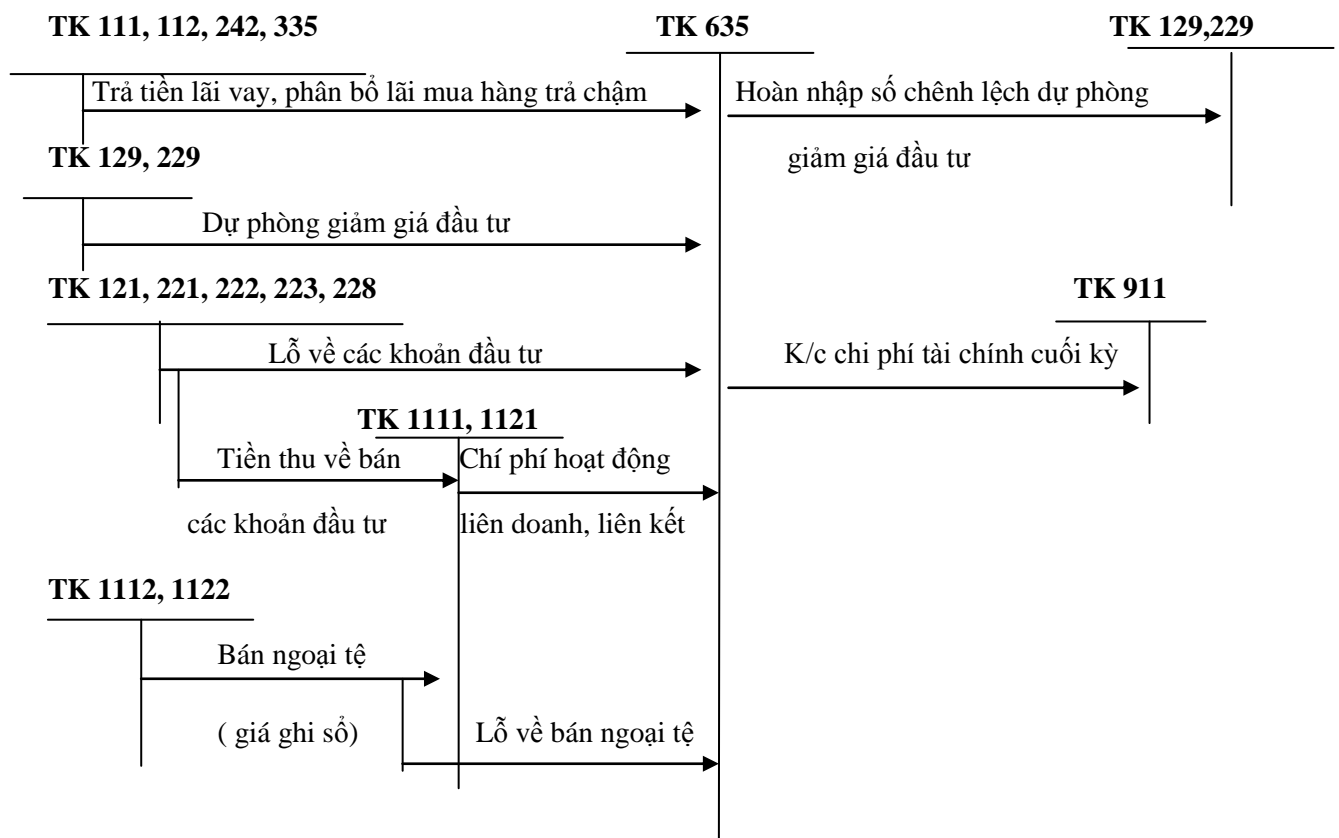
- Phiếu chi, phiếu kế toán
- Giấy báo có, giấy báo nợ
- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho
- Các chứng từ gốc có liên quan

✚ Tài khoản sử dụng:

TK 635-“ Chi phí tài chính”

✚ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.10: Kế toán chi phí hoạt động tài chính



1.1.4.2.4. Kế toán chi phí khác

Nội dung

Chi phí khác của DN gồm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, giá trị còn lại của TSCĐ, tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế, chi phí do bị nhầm, bỏ sót, chi phí khác.

✚ Chứng từ sử dụng:

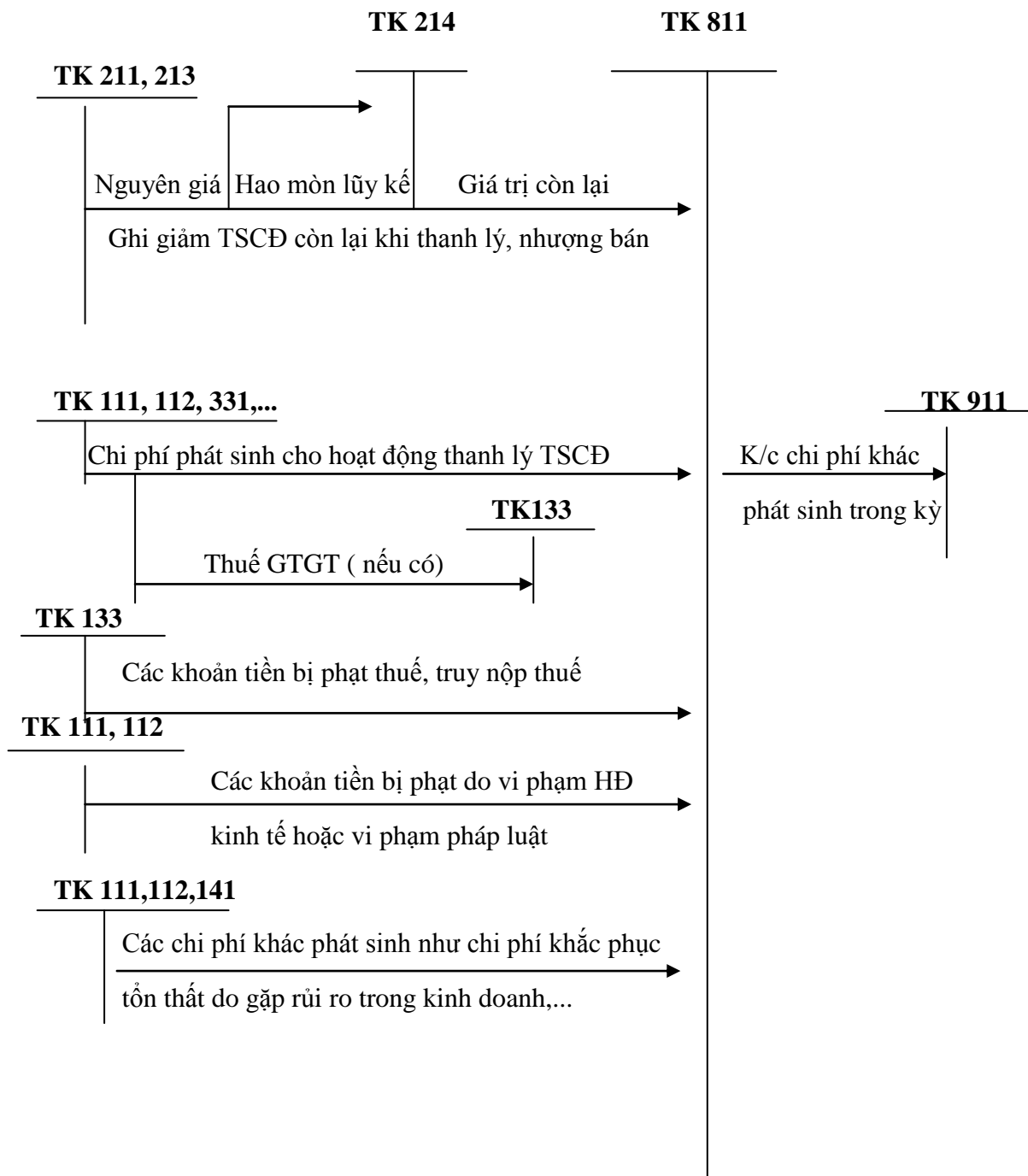
- Phiếu chi

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

Tài khoản sử dụng
TK 811-“ Chi phí khác”

Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.11: Kế toán chi phí khác



(Nguồn: Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/2006-QĐ/BTC)

1.1.4.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chứng từ sử dụng

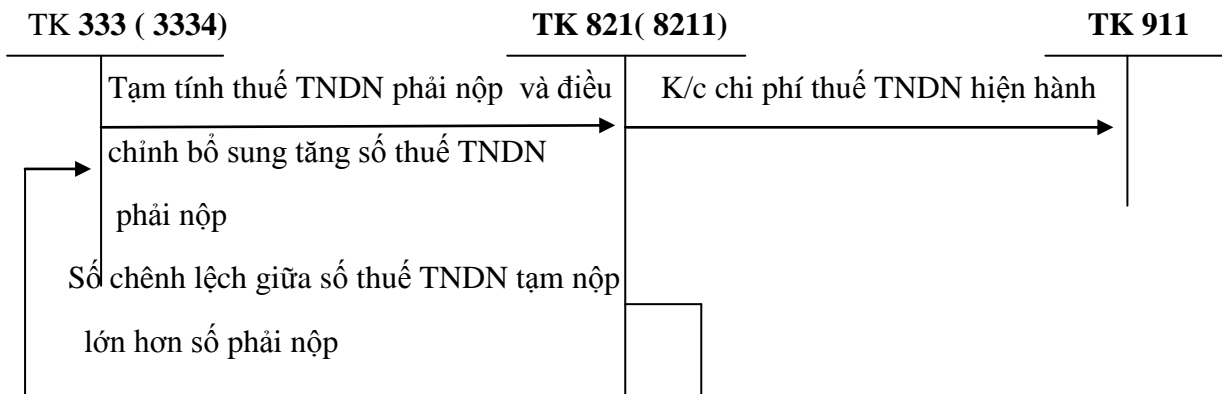
- Phiếu kế toán
- Giấy nộp tiền
- Các chứng từ khác có liên quan,...

Tài khoản sử dụng

TK 821-“Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”

Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.12: Kế toán chi phí thuế TNDN hiện hành



1.1.4.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ liên quan đến doanh thu, chi phí

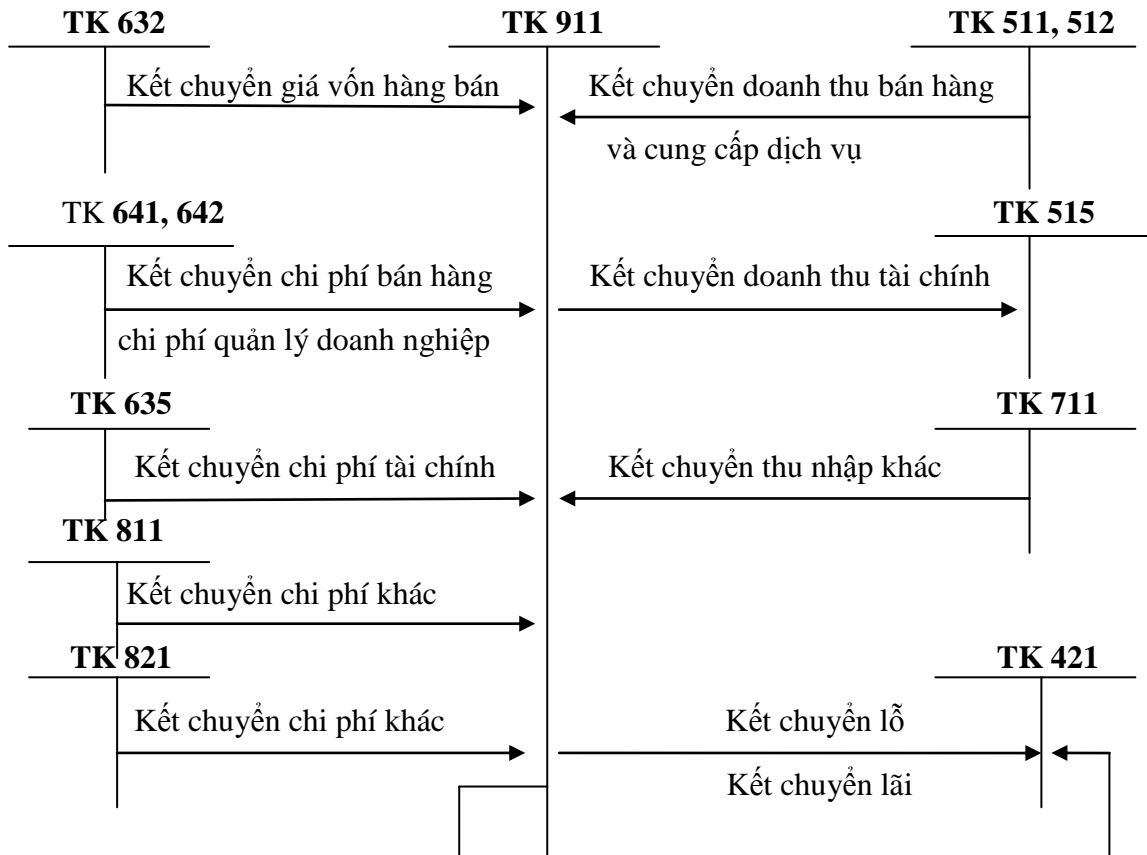
Tài khoản sử dụng:

TK 911-“ Xác định kết quả kinh doanh”

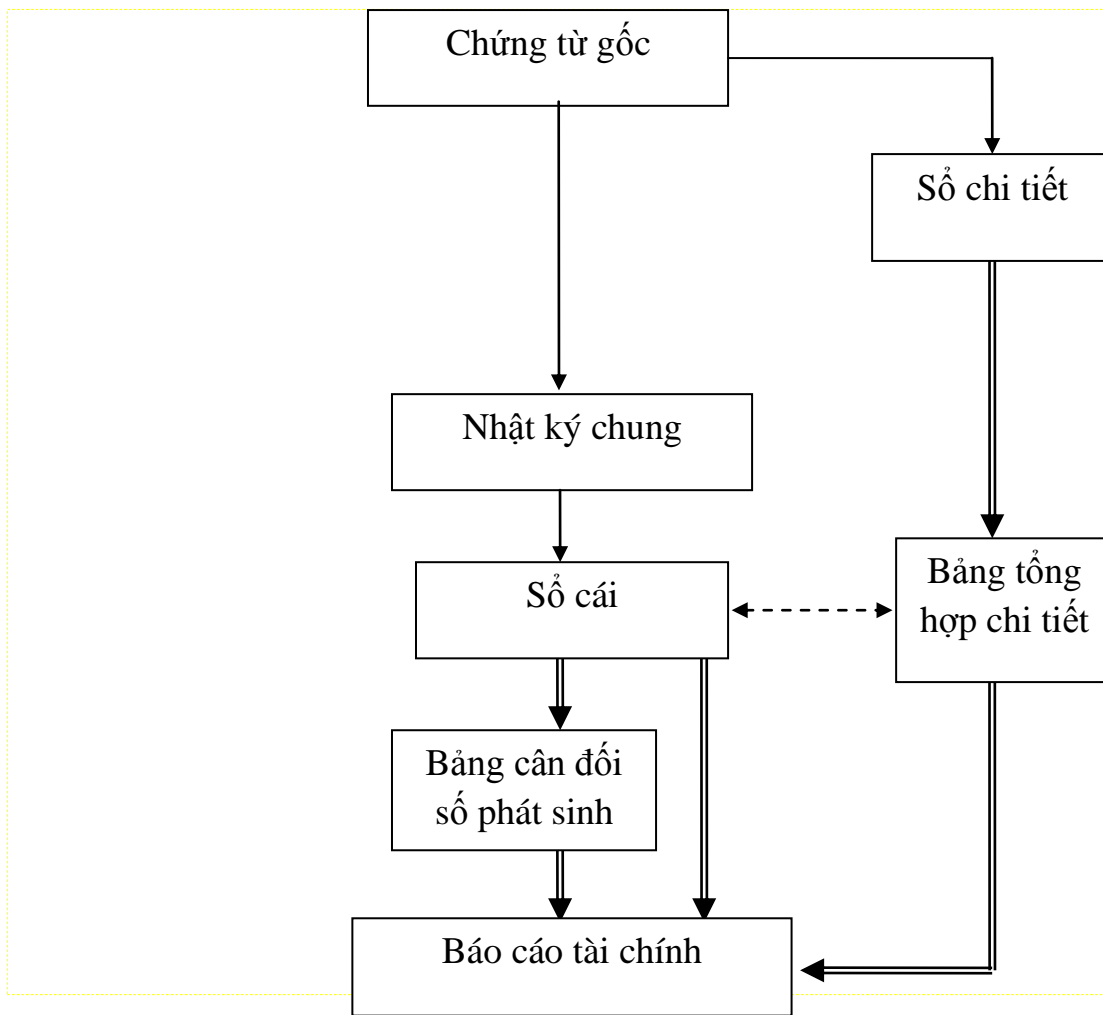
TK 911 dùng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong một kỳ hạch toán.

✚ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.13: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



1.1.5. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung



- Ghi chú:**
- Ghi hàng ngày —————>
 - Ghi cuối kỳ ══════=>
 - Đối chiếu, kiểm tra ◀----->

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký chung, sau đó để ghi vào sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối kỳ, cộng số liệu trên sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các báo cáo tài chính.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ SIN JOO BO VIỆT NAM

2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH quốc tế Sin Joo Bo Việt Nam

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH quốc tế Sin Joo Bo Việt Nam

- Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ SIN JOO BO VIỆT NAM
 - Tên tiếng anh: Sinjoobo International Limited Viet Nam
 - Trụ sở kinh doanh: Khu Tiểu Trà, phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng
 - Tel: 031.3580.199
 - Fax: 0313.580.756
 - Tài khoản ngân hàng: 3010338003, mở tại ngân hàng Indovina chi nhánh Hải Phòng
 - Mã số thuế: 0200568216
 - Hình thức pháp lí: Công ty cổ phần 100% vốn đầu tư nước ngoài
 - Vốn điều lệ của doanh nghiệp: 500.000 USD
 - Quyết định thành lập: Công ty TNHH quốc tế Sin Joo Bo Việt Nam được thành lập theo quyết định số 65/GP-HP của UBND thành phố Hải Phòng cấp khi nhận thấy việc cần thiết phải thành lập công ty dệt may hàng xuất khẩu để đáp ứng nhu cầu kinh tế, công nghiệp hóa hiện đại hóa, đáp ứng tạo công ăn việc làm cho người lao động và tạo ra lợi nhuận cho công ty. Góp phần đa dạng hóa sản phẩm ngành công nghiệp cho thành phố Hải Phòng, đóng góp hiệu quả vào sự phát triển chung của đất nước.
 - Công ty TNHH Quốc tế Sin Joo Bo Việt Nam tên tiếng anh là Sin Joo Bo International Limited Viet Nam tiền thân là công ty Liên doanh dệt may Việt Nam- Malaysia được thành lập giữa bên Việt Nam là công ty TNHH Minh Thành và bên nước ngoài là công ty Bo Fung Industries Malaysia Sdn.Bhd theo giấy phép đầu tư số 65/GP-HP do UBND thành phố Hải Phòng cấp ngày 17/09/2003.
 - Theo giấy phép đầu tư điều chỉnh lần thứ 2 số 65/ GPĐC-HP ngày 19/02/2006, UBND thành phố Hải Phòng chuẩn y việc chuyển nhượng toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của công ty Bo Fung Industries Malaysia Sdn.Bhd trong

công ty Liên doanh dệt may Việt Nam- Malaysia cho công ty Sinjoobo Investments (Malaysia) và công ty Sinjoobo Investments Limited (Hồng Kông)

- Theo giấy phép đầu tư điều chỉnh lần thứ 3 số 65/GPĐC- HP ngày 07/06/2006, UBND thành phố Hải Phòng chứng nhận công ty TNHH Minh Thành chuyển nhượng toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ trong công ty Liên doanh dệt may Việt Nam- Malaysia cho công ty Sinjoobo Investments Limited (Hồng Kông). Công ty Liên doanh dệt may Việt Nam- Malaysia chuyển thành công ty 100% vốn nước ngoài với tên gọi là công ty TNHH Quốc tế Sinjoobo International Limited (Việt Nam).

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty

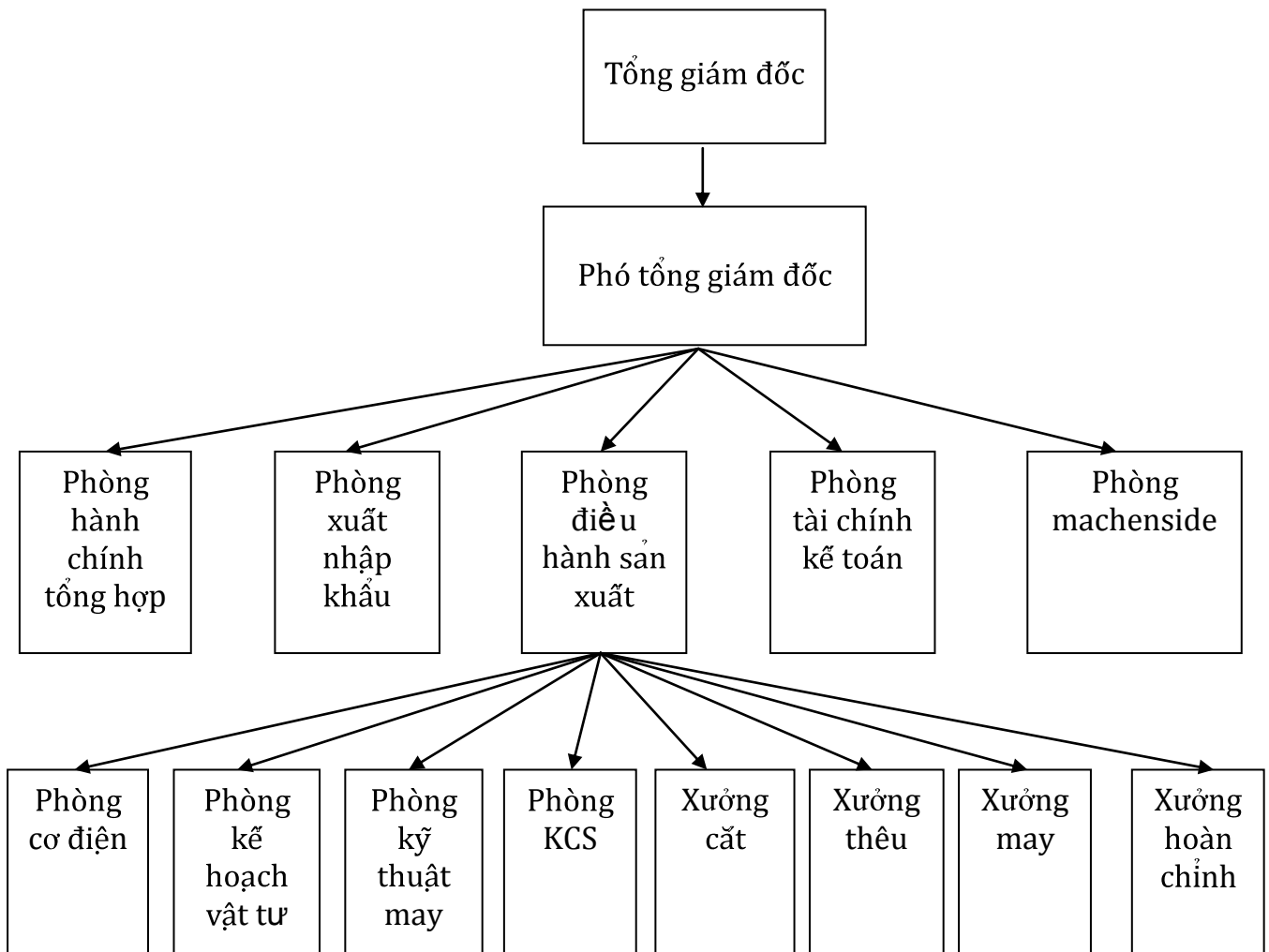
2.1.2.1. Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh

Công ty sản xuất và gia công các sản phẩm dệt, may mặc, sản phẩm đan móc và thêu ren, in và giặt phục vụ cho ngành may mặc.

2.1.2.2. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của công ty

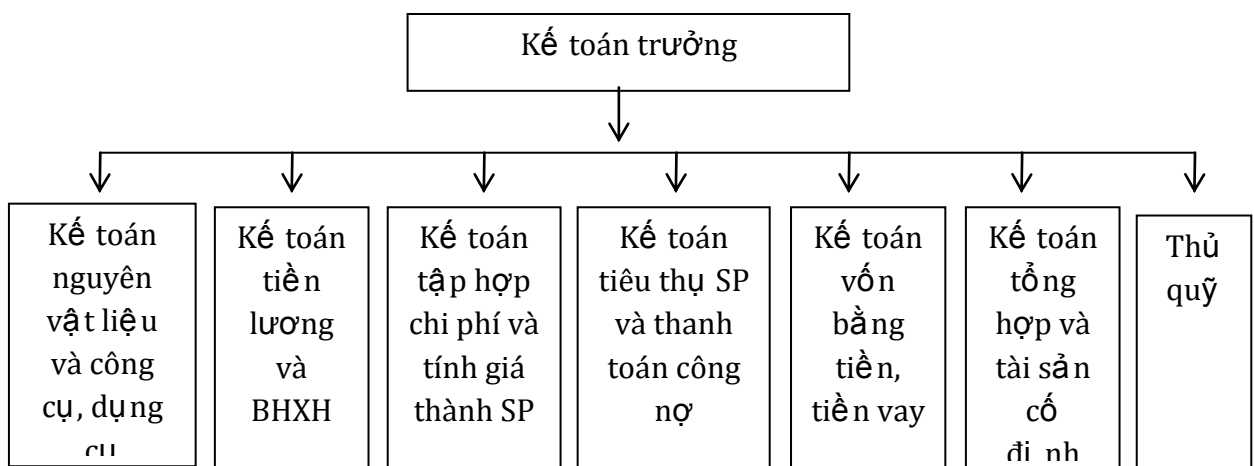
(Nguồn: Phòng tổ chức hành chính của công ty)



- Tổng Giám đốc: chịu trách nhiệm chung về toàn bộ quy trình sản xuất kinh doanh của công ty.
- Phó tổng giám đốc: điều hành các công việc ở khối sản xuất, thay quyền tổng giám đốc điều hành chung khi TGD đi vắng, chịu trách nhiệm trước tổng giám đốc về công việc được giao.
- Phòng hành chính: có nhiệm vụ giúp TGD về các việc liên quan đến vấn đề hành chính ở toàn công ty.
- Phòng xuất – nhập khẩu: chịu trách nhiệm về các thủ tục hải quan, nhập khẩu nguyên phụ liệu và xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài theo đúng các đơn đặt hàng.
- Phòng điều hành sản xuất: giúp điều hành công việc ở khối phục vụ, sản xuất và chịu trách nhiệm trước phó TGD và TGD về công việc được giao.
- Phòng tài chính kế toán: có chức năng tham mưu, giúp việc cho TGD về tình hình công tác sản xuất và tài chính của công ty.
- Phòng Merchandise: có nhiệm vụ liên lạc với khách hàng về các thông số kỹ thuật, mẫu mã, số lượng sản xuất khách hàng yêu cầu sau đó báo cáo với cấp trên và phổ biến lại các vấn đề về kỹ thuật dưới sản xuất, chịu trách nhiệm với những nhiệm vụ của mình.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty

Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán của công ty



Chức năng, nhiệm vụ của từng vị trí:

- **Kế toán trưởng:** Chịu trách nhiệm trước Tổng Giám Đốc về toàn bộ công tác tài chính kế toán của Công ty như: Tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán gọn nhẹ, phù hợp với tính chất sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý, tổ

chức lập đầy đủ và nộp đúng hạn các báo cáo kế toán theo đúng qui định, kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành chế độ bảo vệ tài sản, vật tư, tiền vốn trong Công ty.

• *Kế toán vật liệu, công cụ lao động*: Theo dõi hạch toán các kho nguyên vật liệu, công cụ lao động. Phản ánh số lượng, chất lượng, giá trị vật phẩm, công cụ có trong kho, mua vào, bán ra, xuất sử dụng. . . tính toán phân bổ chi phí nguyên vật liệu, công cụ lao động vào chi phí sản xuất.

• *Kế toán tiền lương và bảo hiểm xã hội*: Hạch toán tiền lương, tiền thưởng, BHXH, BHYT, kinh phí công đoàn, các khoản khấu trừ vào lương, các khoản thu nhập khác và các khoản phải trả, phải nộp khác.

• *Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm*: Tập hợp chi phí sản xuất, xác định đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành, phân bổ chi phí và tính giá thành sản phẩm chính, phụ. Hướng dẫn các xí nghiệp thành viên lập báo cáo kế toán theo qui định.

• *Kế toán tiêu thụ sản phẩm và thanh toán công nợ*: Theo dõi và hạch toán kho thành phẩm xuất khẩu, tính doanh thu lỗ, lãi của phần tiêu thụ trong nước. Theo dõi các khoản công nợ và nộp ngân sách nhà nước.

• *Kế toán vốn bằng tiền, tiền vay*: Quản lý và hạch toán các khoản vốn bằng tiền, phản ánh số hiện có, tình hình tăng, giảm các quỹ tiền mặt, tiền gửi, tiền vay. Kiểm tra tính hợp lý của chứng từ, bảo quản và lưu trữ theo qui định.

• *Kế toán tổng hợp và TSCĐ*: Làm kế toán tài sản cố định, cân đối nguồn vốn cố định, nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản, vốn sửa chữa lớn. Làm kế toán tổng hợp, lập bảng cân đối kế toán, thuyết minh báo cáo tài chính, các báo cáo giải trình khác theo yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước, ghi chép, theo dõi vốn góp liên doanh.

• *Thủ quỹ*: Có trách nhiệm bảo quản, giữ gìn tiền mặt, thu chi tiền.

2.1.3.2. Chế độ chính sách, phương pháp kế toán tại công ty

- **Niên độ kế toán** : Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

- **Đơn vị tiền tệ sử dụng** : Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

- **Chế độ kế toán áp dụng** : Đơn vị áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo quyết định số 15/2006/ QĐ-BTC của Bộ Tài chính ban hành 20/03/2006 và các quyết định, thông tư bổ sung hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán doanh nghiệp.

- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Kê khai thường xuyên.
- **Phương pháp khấu hao TSCĐ:** Phương pháp khấu hao đường thẳng.
- **Phương pháp tính thuế GTGT:** Phương pháp khấu trừ.
- **Phương pháp tính giá xuất kho:** Nhập trước – Xuất trước.
- **Hình thức kế toán:** hình thức nhật ký chung.

Hình thức sổ kế toán:

Công ty áp dụng hình thức sổ Nhật ký chung. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

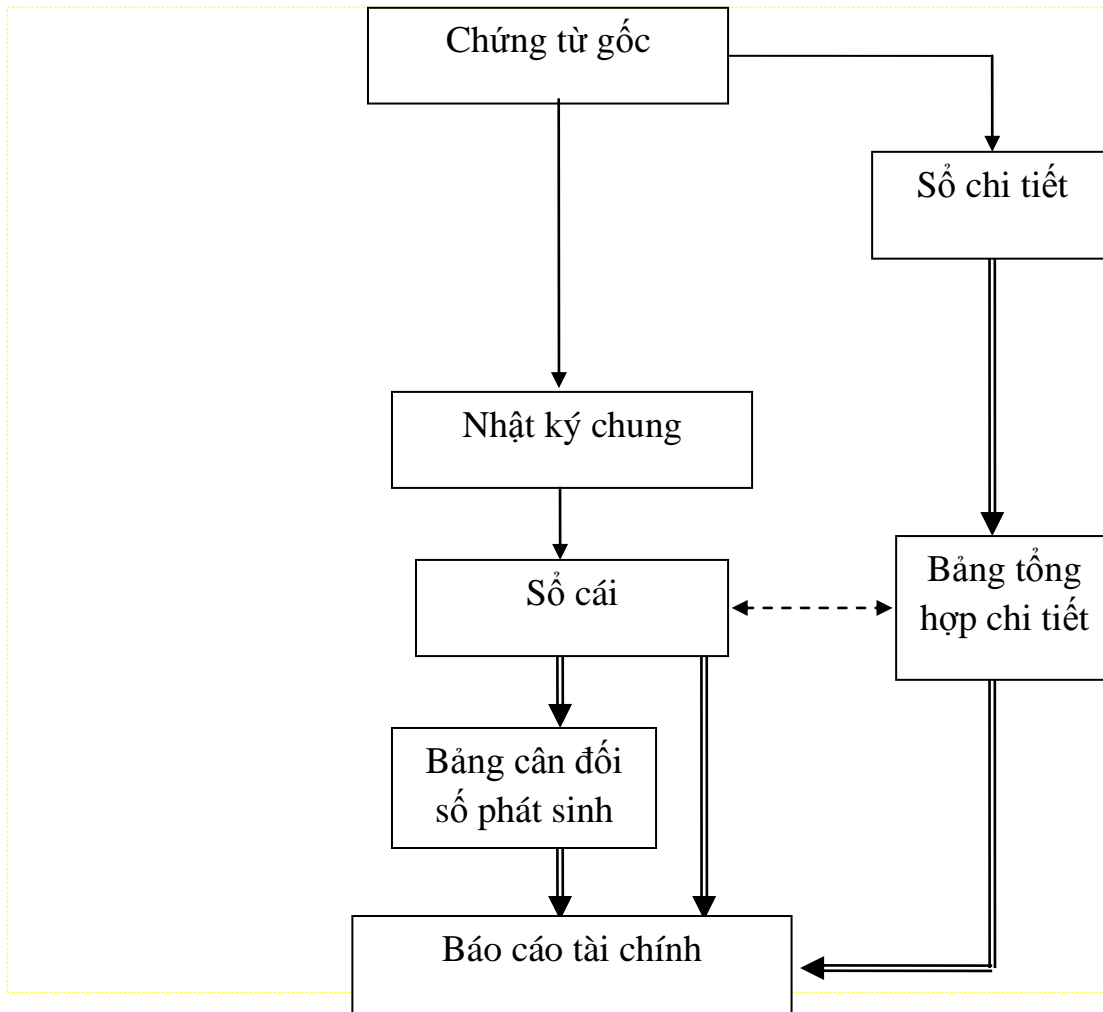
Hệ thống sổ sách bao gồm: - Sổ nhật ký chung

- Sổ cái các tài khoản

Để cung cấp thông tin về tình hình tài chính, tình hình kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp trong một niên độ kế toán, công ty áp dụng các báo cáo:

- | | |
|--|----------------|
| - Bảng cân đối kế toán | Mẫu số B-01/DN |
| - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | Mẫu số B-02/DN |
| - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | Mẫu số B-03/DN |
| - Bản thuyết minh báo cáo tài chính | Mẫu số B-09/DN |

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung



- Ghi chú:**
- Ghi hàng ngày —————>
 - Ghi cuối kỳ ══════=>
 - Đối chiếu, kiểm tra <----->

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký chung, sau đó để ghi vào sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối kỳ, cộng số liệu trên sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các báo cáo tài chính.

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH quốc tế Sin Joo Bo Việt Nam

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác:

2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

✚ Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
- Hóa đơn GTGT, hóa đơn xuất khẩu
- Chứng từ thanh toán: Giấy báo có, phiếu thu
- Chứng từ khác liên quan

✚ Tài khoản sử dụng

TK 511: “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

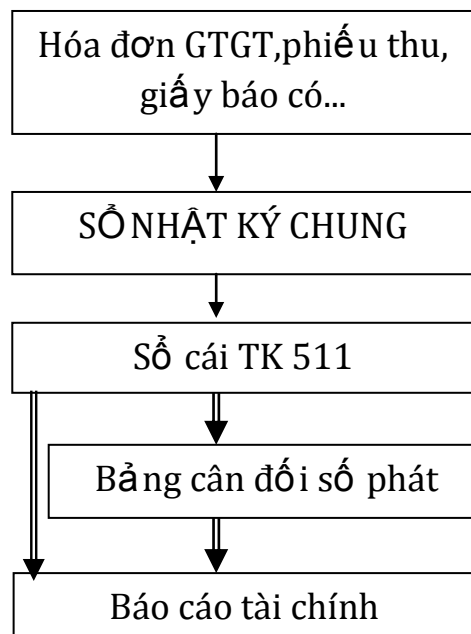
*** Hình thức thanh toán:**

- Tiền mặt
- Tiền gửi ngân hàng

*** Phương thức bán hàng: bán hàng trực tiếp**

✚ Trình tự ghi sổ:

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH quốc tế Sin Joo Bo Việt Nam



Ghi chú: —→ Ghi hàng ngày

==> Ghi cuối kỳ

Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng, phiếu thu, giấy báo có, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái tài khoản 511.

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái để lập bảng cân đối phát sinh, từ sổ cái và bảng cân đối phát sinh, kế toán lập báo cáo tài chính.

Ví dụ: Ngày 20/08/2014, công ty xuất khẩu áo thun nữ dài tay -MD1493, MD1494, MD1366, MD1335 với số tiền là 5387,97 USD cho công ty Bofung Industries, khách hàng chưa thanh toán. Tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh là 21.246 đồng/USD.

Kế toán căn cứ vào hóa đơn xuất khẩu số 0000102 ghi vào Nhật ký chung, từ nhật ký chung ghi vào Sổ cái TK 511

Biểu số 1: Hóa đơn xuất khẩu số 0000102

HÓA ĐƠN XUẤT KHẨU		Mẫu số: 06HDXK3/001			
COMMERCIAL INVOICE		Ký hiệu: AA/14P			
Liên 3: Nội bộ (3rd copy: Inner circulation)		Số: 0000102			
Ngày (Date) 20 Tháng (Month) 08 Năm (Year) 2014					
Tên đơn vị xuất khẩu (Exporter`s Name): C.TY TNHH QUỐC TẾ SIN JOO BO VIỆT NAM					
Địa chỉ (Address): Tiểu Trà, P.Hưng Đạo, Q.Dương kinh, TP.Hải Phòng					
Số tài khoản (Bank Account No): 3010338003 ngân hàng Indovina-Chi nhánh HP					
Điện thoại (Tel No): 0313.580.199		Mã số thuế (Tax code): 0200568216			
Tên đơn vị nhập khẩu (Importer`s Name): C.TY BOFUNG INDUSTRIES (M) SDN.BHD					
Địa chỉ (Address): No.5, Sanban-Cho, Chiyoda-ku, Tokyo, 102-8350 Japan					
Số tài khoản (Bank Account No):					
Điện thoại (Tel No): 813.3238.6590					
Số hợp đồng (Contract No): 147/SJB-BF					
Ngày hợp đồng (Contract date): 17/05/2014					
Hình thức thanh toán (Method of payment): Chuyển khoản					
Địa điểm giao hàng (Location): Cảng Hải Phòng					
Địa điểm nhận hàng (Delivery location): Tokyo					
Số vận đơn (B/L No):					
Số Container (Container No):					
Tên đơn vị vận chuyển (Transporter`s Name): Thami Shipping & Airfreight Corp					
STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description of goods, service)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price) (USD)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
01	Áo thun nữ dài tay MD1493	Chiếc	288	11,273	3246,624 USD
02	MD1494	Chiếc	98	5,154	505,092 USD
03	MD1366	Chiếc	176	5,625	990,000 USD
04	MD1335	Chiếc	138	4,683	646,254 USD
Tỷ giá quy đổi: 1USD=21.246 đồng/USD					
Thành tiền: 114.472.811 đồng					
Tổng tiền bán hàng, dịch vụ (Total amount):					5387,97 USD
Số tiền viết bằng chữ (Total in words): Năm nghìn ba trăm tám mươi bảy đô la và chín mươi bảy xen					
(Five thousand three hundred and eighty-seven dollars and ninety-seven cents)					
Người bán hàng (Seller) Ký, ghi rõ họ tên (Signature & full name)			Thủ trưởng đơn vị (Manager) Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên (Signature & full name, stamp)		
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Biểu số 2: Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH quốc tế SinJooBo VN

Địa chỉ: Hưng Đạo-Dương Kinh-Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2014

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền		
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
			Số trang trước chuyển sang				
...	
20/08	HĐXK 0000102	20/08	Doanh thu bán áo thun nữ dài tay-MD1493, MD1494, MD1366, MD1335 cho công ty Bofung Industries	131 511	114.472.811	114.472.811	
...	
28/08	PT 59	28/08	Doanh thu bán áo may ô nữ US158 cho công ty cổ phần Norfolk Hatexco	1111 511	6.750.000	6.750.000	
29/08	HĐ GTGT 0000106	29/08	Mua chỉ sợi của công ty TNHH chỉ Vĩnh Thái	152 331	17.156.000	17.156.000	
29/08	HĐ GTGT 0000106	29/08	Thuế GTGT HĐ106	1331 331	1.715.600	1.715.600	
...	
31/12	PHT	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511 911	99.133.162.402	99.133.162.402	
...	
Tổng cộng						236.004.781.400	236.004.781.400

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng)

Biểu số 3: Sổ cái 511

Đơn vị: Công ty TNHH quốc tế SinJooBo VN

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Hưng Đạo-Dương Kinh-Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2014

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: TK511

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số PS trong kỳ			
...
HĐXK 0000102	20/08	Doanh thu bán áo thun nữ tay dài-MD1493, MD1494, MD1366, MD1335 cho công ty Bofung Industries	131		114.472.811
PT 59	28/08	Doanh thu bán áo may ô nữ US158 cho công ty cổ phần Norfolk Hatexco	1111		6.750.000
...
PHT	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	911	99.133.162.402	
		Cộng số phát sinh		99.133.162.402	99.133.162.402
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập sổ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, đóng dấu)

2.2.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

✚ Chứng từ sử dụng:

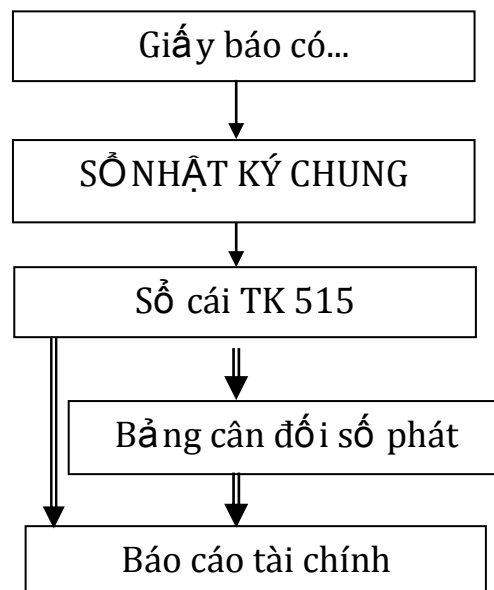
- Giấy báo có
- Bản sao kê của ngân hàng
- Phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan

✚ Tài khoản sử dụng:

TK 515: “Doanh thu hoạt động tài chính”

✚ Trình tự ghi sổ:

Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty TNHH quốc tế Sin Joo Bo Việt Nam



Ghi chú: —————> Ghi hàng ngày

=====> Ghi cuối kỳ

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái tài khoản 515.

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái để lập bảng cân đối phát sinh, từ sổ cái và bảng cân đối phát sinh, kế toán lập báo cáo tài chính.

Ví dụ: Ngày 30/09/2014 công ty nhận được lãi tiền gửi từ ngân hàng Indovina chi nhánh Hải Phòng, số tiền 856.326

Căn cứ vào giấy báo có kế toán ghi vào nhật ký chung, từ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 515

Biểu số 4:

GIẤY BÁO CÓ NGÂN HÀNG INDOVINA BANK

Ngày in: 30/09/2014

Giờ in: 10:05:03

Số tài khoản: 3010338003

Tên tài khoản: CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ SIN JOO BO VIỆT NAM

Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Indovina xin trân trọng thông báo: Tài khoản của quý khách được ghi CÓ với nội dung sau:

Ngày giờ hiệu lực	Số tiền	Loại tiền	Diễn giải
30/09/2014 10:05:03	856.326	VND	NH phát lệnh: CN Hải Phòng – NHTNHH INDOVINA NH giữ tài khoản: CN Hải Phòng – NHTNHH INDOVINA Số TK: 3010338003 Người chuyển: Nguyễn Phú An CN Hải Phòng – NHTNHH INDOVINA Nội dung giao dịch: Lãi tiền gửi tháng 9

Biểu số 5: Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH quốc tế SinJooBo VN

Địa chỉ: Hưng Đạo-Dương Kinh-Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2014

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền		
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
			Số trang trước chuyển sang				
...	
20/08	HĐXK 0000102	20/08	Doanh thu bán áo thun nữ dài tay-MD1493, MD1494, MD1366, MD1335 cho công ty Bofung Industries	131 511	114.472.811	114.472.811	
...	
28/08	PT 59	28/08	Doanh thu bán áo may ô nữ US158 cho công ty cổ phần Norfolk Hatexco	1111 511	6.750.000	6.750.000	
...	
30/09	GBC	30/09	Nhận lãi ngân hàng Indovina chi nhánh HP	1121 515	856.326	856.326	
...	
31/12	PHT	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515 911	718.940.087	718.940.087	
...	
Tổng cộng						236.004.781.400	236.004.781.400

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng)

Biểu số 6: Sổ cái 515

Đơn vị: Công ty TNHH quốc tế SinJooBo VN

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Hưng Đạo-Dương Kinh-Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2014

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: TK515

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số PS trong kỳ			
...
GBC	25/08	Nhận lãi ngân hàng Indovina chi nhánh HP tháng 8/2014	1121		689.670
GBC	30/09	Nhận lãi ngân hàng Indovina chi nhánh HP tháng 9/2014	1121		856.326
...
PHT	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	718.940.087	
		Cộng số phát sinh		718.940.087	718.940.087
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập sổ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, đóng dấu)

2.2.1.3. Kế toán thu nhập khác:

✚ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu
- Các chứng từ khác có liên quan

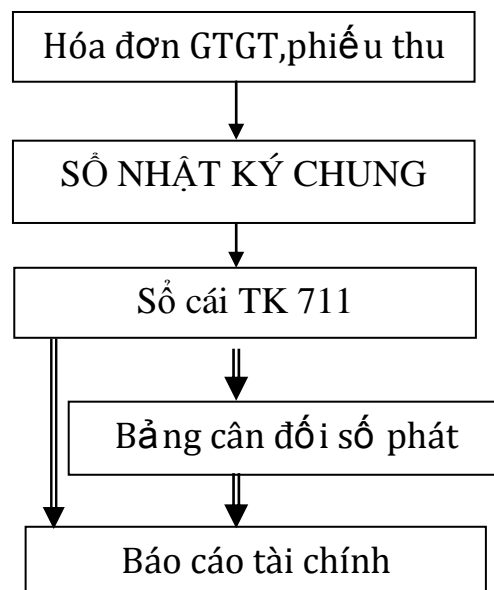
✚ Tài khoản sử dụng:

TK 711: “Thu nhập khác”

✚ Trình tự ghi sổ:

Sơ đồ 2.6: Trình tự ghi sổ kế toán thu nhập khác tại công ty TNHH quốc tế

Sin Joo Bo Việt Nam



Ghi chú: —————> Ghi hàng ngày

 =====> Ghi cuối kỳ

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái tài khoản 711.

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái để lập bảng cân đối phát sinh, từ sổ cái và bảng cân đối phát sinh, kế toán lập báo cáo tài chính.

Trong năm 2014 công ty không phát sinh các khoản thu nhập khác.

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính và chi phí khác:

2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

✚ Chứng từ sử dụng:

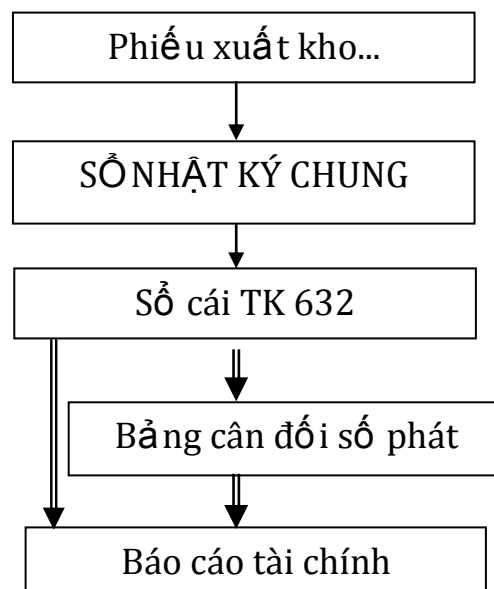
- Phiếu xuất kho
- Phiếu hạch toán
- Các chứng từ khác có liên quan

✚ Tài khoản sử dụng:

TK 632: “Giá vốn hàng bán”

✚ Trình tự ghi sổ:

Sơ đồ 2.7: Trình tự ghi sổ kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH quốc tế Sin Joo Bo Việt Nam



Ghi chú: —→ Ghi hàng ngày

==> Ghi cuối kỳ

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái tài khoản 632.

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái để lập bảng cân đối phát sinh, từ sổ cái và bảng cân đối phát sinh, kế toán lập báo cáo tài chính.

Ví dụ: Ngày 20/08/2014, công ty xuất khẩu áo thun nữ dài tay -MD1493, MD1494, MD1366, MD1335 cho công ty Bofung Industries, khách hàng chưa thanh toán. Tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh là 21.246 đồng/USD.

Kế toán căn cứ vào HĐXK số 0000102, kế toán lập phiếu xuất số 61, căn cứ vào phiếu xuất số 61 kế toán ghi vào nhật ký chung, từ nhật ký chung ghi vào Sổ cái TK 632.

Biểu số 7: Phiếu xuất kho số 61

Đơn vị: Công ty TNHH quốc tế SinJooBo VN

Mẫu số 02-VT

Địa chỉ: Hưng Đạo-Dương Kinh-Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

MST: 0200568216

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 20/08/2014

Nợ: 632

Số 61

Có: 155

Họ và tên người nhận hàng: Lương Thanh Bình

Địa chỉ (bộ phận): Phòng xuất nhập khẩu

Lý do xuất kho: Xuất khẩu ra nước ngoài

Xuất tại kho: Công ty TNHH quốc tế Sin Joo Bo Việt Nam

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	MD-1493	Chiếc	288	158.800	45.734.400
02	MD-1494	Chiếc	98	57.280	5.613.440
03	MD-1366	Chiếc	176	59.170	10.413.920
04	MD-1335	Chiếc	138	30.425	4.198.650
	Cộng				65.960.410

Bằng chữ: Sáu mươi năm triệu chín trăm sáu mươi nghìn bốn trăm mười đồng.

Ngày 20 tháng 08 năm 2014

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

(Ký tên, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 8: Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH quốc tế SinJooBo VN

Địa chỉ: Hưng Đạo-Dương Kinh-Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2014

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
...
20/08	HĐXK 0000102	20/08	Doanh thu thu bán áo thun nữ dài tay-MD1493, MD1494, MD1366, MD1335 cho công ty Bofung Industries	131 511	114.472.811	114.472.811
20/08	PX 61	20/08	Giá vốn hàng bán HĐ 102	632 155	65.960.410	65.960.410
...
28/08	PT 59	28/08	Doanh thu bán áo may ô nữ US158 cho công ty cổ phần Norfolk Hatexco	1111 511	6.750.000	6.750.000
28/08	PX 64	28/08	Giá vốn hàng bán HĐ 105	632 155	4.375.000	4.375.000
...
31/12	PHT	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911 632	80.032.652.998	80.032.652.998
...
Tổng cộng					236.004.781.400	236.004.781.400

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng)

Biểu số 9: Sổ cái 632

Đơn vị: Công ty TNHH quốc tế SinJooBo VN

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Hưng Đạo-Dương Kinh-Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2014

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: TK632

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số PS trong kỳ			
...
PX 61	20/08	Giá vốn hàng bán HĐ 102	155	65.960.410	
...
PX 64	28/08	Giá vốn hàng bán HĐ 105	155	4.375.000	
...
PHT	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		80.032.652.998
		Cộng số phát sinh		80.032.652.998	80.032.652.998
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập sổ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, đóng dấu)

2.2.2.2. Kế toán chi phí bán hàng

✚ Chứng từ sử dụng:

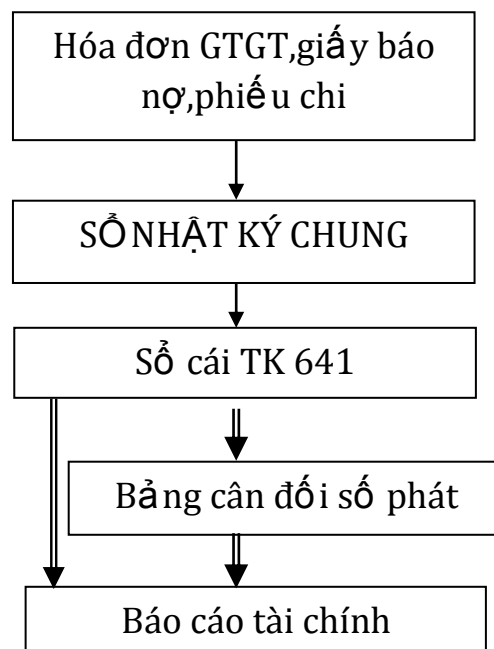
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Các chứng từ khác có liên quan

✚ Tài khoản sử dụng:

TK 641: “Chi phí bán hàng”

✚ Trình tự ghi sổ

Sơ đồ 2.8: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí bán hàng tại công ty TNHH quốc tế Sin Joo Bo Việt Nam



Ghi chú: —————> Ghi hàng ngày

=====> Ghi cuối kỳ

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái tài khoản 641.

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái để lập bảng cân đối phát sinh, từ sổ cái và bảng cân đối phát sinh, kế toán lập báo cáo tài chính.

Ví dụ: Ngày 22/04/2014, công ty thuê tàu PACIFIC EXPRESS/574N vận chuyển lô hàng hóa đến Vancouver, British Columbia với số tiền 8.086.604 đồng, đã trả bằng tiền mặt.

Kế toán căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000260 để lập phiếu chi số 37, căn cứ vào phiếu chi số 37 kế toán ghi vào nhật ký chung, từ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 641

Biểu số 10: Hóa đơn GTGT số 0000260

Biểu số 11: Phiếu chi số 37

Đơn vị: Công ty TNHH quốc tế Sin Joo Bo VN

Mẫu số 02 –TT

Địa chỉ: Khu Tiểu Trà-Đa Phúc-Dương Kinh-HP

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 22 tháng 04 năm 2014

Số: 37

Nợ: 641

Nợ: 133

Có: 111

Họ và tên người nhận tiền: Trần Thị Hà

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do chi: Thanh toán cước vận chuyển hàng

Số tiền: 8.086.604

Bằng chữ: *Tám triệu không trăm tám mươi sáu nghìn sáu trăm lẻ bốn đồng*

Kèm theo : 01 chứng từ gốc

Giám đốc Kế toán trưởng Người lập Người nhận tiền Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Tám triệu không trăm tám mươi sáu nghìn sáu trăm lẻ bốn đồng*

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:..... VNĐ.....

Biểu số 12: Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH quốc tế SinJooBo VN

Mẫu số S03a-DN

Địa chỉ: Hưng Đạo-Dương Kinh-Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2014

Đơn vị tính: VNĐ

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
...
22/04	PC37	22/04	Chi phí vận chuyển	641	7.722.262	
				111		7.722.262
22/04	PC37	22/04	Thuế GTGT đầu vào	133	364.342	
				111		364.342
...
15/05	PC48	15/05	Chi phí vận chuyển	641	4.909.091	
				111		4.909.091
...
29/08	HD GTGT 0000106	29/08	Mua chỉ sợi của công ty TNHH chỉ Vĩnh Thái	152	17.156.000	
				331		17.156.000
29/08	HD GTGT 0000106	29/08	Thuế GTGT HD106	1331	1.715.600	
				331		1.715.600
...
31/12	PHT	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	1.066.546.219	
				641		1.066.546.219
...
			Tổng cộng		236.004.781.400	236.004.781.400

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 13: Sổ cái 641

Đơn vị: Công ty TNHH quốc tế SinJooBo VN

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Hưng Đạo-Dương Kinh-Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2014

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Số hiệu: TK641

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số PS trong kỳ			
...
PC37	22/04	Chi phí vận chuyển	111	7.722.262	
...
PC48	15/05	Chi phí vận chuyển	111	4.909.091	
...
PHT	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	911		1.066.546.219
		Cộng số phát sinh		1.066.546.219	1.066.546.219
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu)

2.2.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

✚ Chứng từ sử dụng:

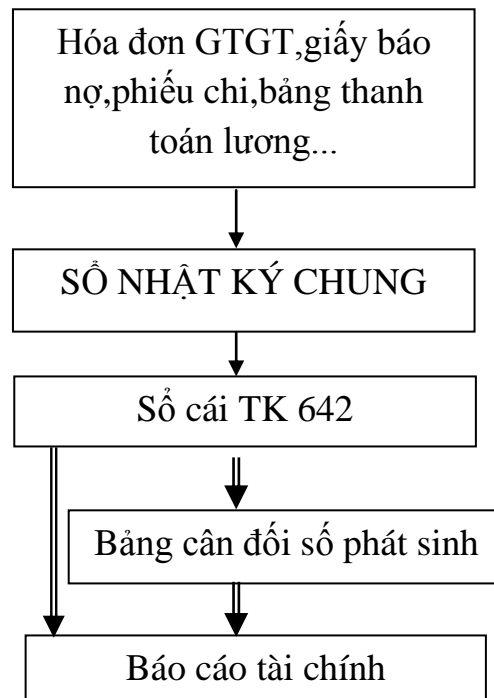
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Bảng thanh toán lương
- Bảng trích và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan

✚ Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 642: “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

✚ Trình tự ghi sổ:

Sơ đồ 2.9: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty TNHH quốc tế Sin Joo Bo Việt Nam



Ghi chú: —————> Ghi hàng ngày

=====> Ghi cuối kỳ

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái tài khoản 642.

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái để lập bảng cân đối phát sinh, từ sổ cái và bảng cân đối phát sinh, kế toán lập báo cáo tài chính.

Ví dụ: Ngày 24/10/2014, chi tiền tiếp khách tổng số tiền thanh toán là 3.300.000 (VAT 10%) thanh toán bằng tiền mặt.

Kế toán căn cứ vào HĐGTGT số 0000419 để lập phiếu chi số 105, căn cứ vào phiếu chi số 105 ghi vào nhật ký chung, từ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK642

Biểu số 14: Hóa đơn GTGT số 0000419

HÓA ĐƠN	Mẫu số: 01GTKT3/001				
GIÁ TRỊ GIA TĂNG	Ký hiệu: AA/14P				
<i>Liên 2: Giao khách hàng</i>	Số: 0000419				
<i>Ngày 24 tháng 10 năm 2014</i>					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ THIÊN HỒNG PHÁT					
Mã số thuế: 0201253931					
Địa chỉ: Số 66/37/169, cụm 1, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng					
Điện thoại: 031.3556816	Fax: 031.3842524				
Số tài khoản: 2511101994009 tại ngân hàng TMCP Quân Đội-Chi nhánh Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng :					
Tên đơn vị: Công ty TNHH quốc tế Sin Joo Bo Việt Nam					
Địa chỉ: Hưng Đạo-Dương Kinh-Hải Phòng					
Mã số thuế: 0200568216					
Hình thức thanh toán: Tiền mặt	Số tài khoản:.....				
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Tiếp khách				3.000.000
Cộng tiền hàng:					3.000.000
Thuế suất thuế GTGT: 10 %		Tiền thuế GTGT			300.000
Tổng cộng tiền thanh toán					3.300.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Ba triệu ba trăm nghìn đồng chẵn.</i>					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
<i>(Đã ký)</i>		<i>(Đã Ký)</i>		<i>(Đã ký)</i>	

Biểu số 15: Phiếu chi số 105

Đơn vị: Công ty TNHH quốc tế SinJooBo VN

Mẫu số 02 –TT

Địa chỉ: Hưng Đạo-Dương Kinh-Hải Phòng

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

PHIẾU CHI

Số : 105

Ngày 24 tháng 10 năm 2014

Nợ 642

Nợ 133

Có 111

Họ tên người nhận tiền: Nguyễn Mai Anh

Địa chỉ: Phòng hành chính tổng hợp

Lý do chi: Chi tiếp khách

Số tiền: 3.300.000

Bằng chữ: *Ba triệu ba trăm nghìn đồng chẵn.*

Kèm theo: 01 Chứng từ gốc

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

Người nhận tiền

Thủ quỹ

(Ký, họ tên, đóng dấu) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Ba triệu ba trăm nghìn đồng chẵn.*

+ Tỷ giá ngoại tệ (Vàng, bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....VNĐ.....

Biểu số 16: Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH quốc tế SinJooBo VN

Mẫu số S03a-DN

Địa chỉ: Hưng Đạo-Dương Kinh-Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2014

Đơn vị tính: VNĐ

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
...
06/10	PC94	06/10	Thanh toán tiền thuê xe đi công tác	642	5.909.000	
				1111		5.909.000
06/10	PC94	06/10	Thuế GTGT đầu vào	1331	590.900	
				1111		590.900
...
15/10	PC99	15/10	Thanh toán tiền cước viễn thông tháng 10	642	419.821	
				1111		419.821
15/10	PC99	15/10	Thuế GTGT đầu vào	1331	41.982	
				1111		41.982
...
24/10	PC105	24/10	Chi tiếp khách	642	3.000.000	
				1111		3.000.000
24/10	PC105	24/10	Thuế GTGT đầu vào	1331	300.000	
				1111		300.000
...
31/12	PHT	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	911	6.648.467.896	
				642		6.648.467.896
...
			Tổng cộng		236.004.781.400	236.004.781.400

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 17: Sổ cái 642

Đơn vị: Công ty TNHH quốc tế SinJooBo VN

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Hưng Đạo-Dương Kinh-Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2014

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: TK642

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số PS trong kỳ			
...
PC94	06/10	Thanh toán tiền thuê xe đi công tác	1111	5.909.000	
...
PC99	15/10	Thanh toán tiền cước viễn thông tháng 10	1111	419.821	
...
PC105	24/10	Chi tiếp khách	1111	3.000.000	
...
PHT	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		6.648.467.896
		Cộng số phát sinh		6.648.467.896	6.648.467.896
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập sổ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, đóng dấu)

2.2.2.4. Kế toán chi phí tài chính

✚ Chứng từ sử dụng:

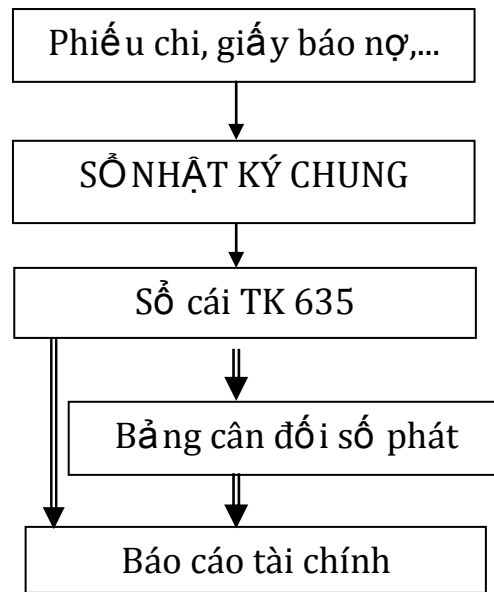
- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Các chứng từ khác có liên quan

✚ Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 635: “Chi phí tài chính”

✚ Trình tự ghi sổ:

Sơ đồ 2.10: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí tài chính tại công ty TNHH quốc tế Sin Joo Bo Việt Nam



Ghi chú: —————> Ghi hàng ngày

=====> Ghi cuối kỳ

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái tài khoản 635.

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái để lập bảng cân đối phát sinh, từ sổ cái và bảng cân đối phát sinh, kế toán lập báo cáo tài chính.

Ví dụ: Ngày 24/09/2014 công ty nhận được giấy báo nợ của ngân hàng Indovina chi nhánh HP về việc trả lãi vay ngân hàng tháng 9 với số tiền 35.256.858
Căn cứ vào giấy báo nợ kế toán ghi vào nhật ký chung, từ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 635

Biểu số 18:

GIẤY BÁO NỢ NGÂN HÀNG INDOVINA BANK

Ngày in: 24/09/2014

Giờ in: 13:05:04

Số tài khoản: 3010338003

Tên tài khoản: CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ SIN JOO BO VIỆT NAM

Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Indovina xin trân trọng thông báo: Tài khoản của quý khách được ghi NỢ với nội dung sau:

Ngày giờ hiệu lực	Số tiền	Loại tiền	Diễn giải
24/09/2014 13:05:04	35.256.858	VND	NH phát lệnh: CN Hải Phòng – NHTNHH INDOVINA NH giữ tài khoản: CN Hải Phòng – NHTNHH INDOVINA Số TK: 3010338003 Người chuyển: Nguyễn Phú An- CN Hải Phòng – NHTNHH INDOVINA Nội dung giao dịch: Trả tiền lãi vay tháng 9

Biểu số 19: Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH quốc tế SinJooBo VN

Mẫu số S03a-DN

Địa chỉ: Hưng Đạo-Dương Kinh-Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2014

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền		
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
			Số trang trước chuyển sang				
...	
26/04	GBN	26/04	Trả tiền lãi vay ngân hàng Indovina tháng 4	635	45.251.858		
				1121		45.251.858	
...	
24/09	GBN	24/09	Trả tiền lãi gửi NH Indovina tháng 9	635	35.256.858		
				1121		35.256.858	
...	
31/12	PHT	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911	770.420.292		
				635		770.420.292	
...	
Tổng cộng						236.004.781.400	236.004.781.400

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng)

Biểu số 20: Sổ cái 635

Đơn vị: Công ty TNHH quốc tế SinJooBo VN

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Hưng Đạo-Dương Kinh-Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2014

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Số hiệu: TK635

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số PS trong kỳ			
...
GBC	26/04	Trả tiền lãi vay ngân hàng Indovina tháng 4	1121	45.251.858	
...
GBN	24/09	Trả tiền lãi gửi NH Indovina tháng 9	1121	35.256.858	
...
PHT	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911		770.420.292
		Cộng số phát sinh		770.420.292	770.420.292
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

2.2.2.5. Kế toán chi phí khác

✚ Chứng từ sử dụng:

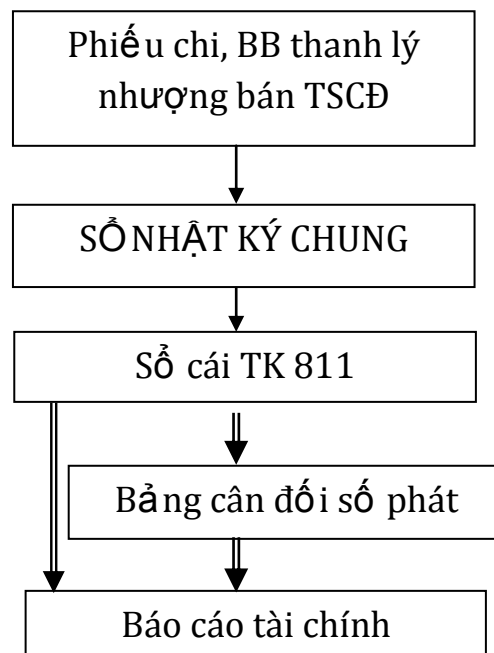
- Phiếu chi
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan

✚ Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 811: “Chi phí khác”

✚ Trình tự ghi sổ:

Sơ đồ 2.11: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí khác tại công ty TNHH quốc tế Sin Joo Bo Việt Nam



Ghi chú: —————> Ghi hàng ngày

=====> Ghi cuối kỳ

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái tài khoản 811.

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái để lập bảng cân đối phát sinh, từ sổ cái và bảng cân đối phát sinh, kế toán lập báo cáo tài chính.

Trong năm 2014 công ty không phát sinh các khoản chi phí khác

2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

✚ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu hạch toán

✚ Tài khoản sử dụng:

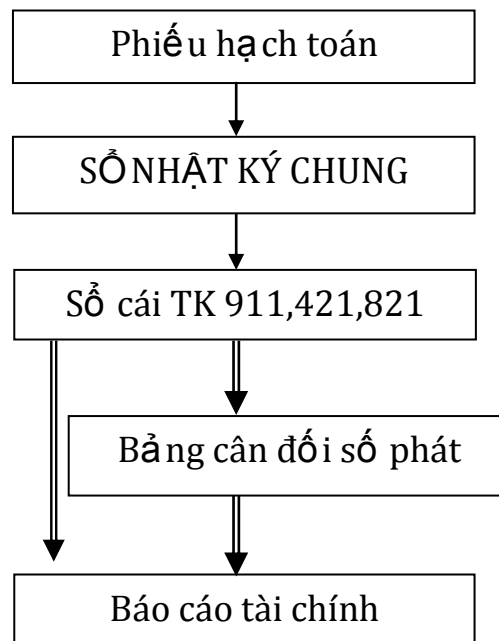
TK 911: “Xác định kết quả kinh doanh”

TK 821: “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”

TK 421: “Lợi nhuận chưa phân phối”

✚ Trình tự ghi sổ:

Sơ đồ 2.12: Trình tự ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH quốc tế Sin Joo Bo Việt Nam



Ghi chú: → Ghi hàng ngày

 ⇒ Ghi định kỳ

Cuối năm kế toán lập các phiếu hạch toán kết chuyển doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, tính số thuế TNDN phải nộp. Từ phiếu hạch toán, kế toán phản ánh vào sổ nhật ký chung và sổ cái các tài khoản có liên quan. Từ sổ cái kế toán lập bảng cân đối số phát sinh. Từ sổ cái và bảng cân đối số phát sinh kế toán lập báo cáo tài chính.

Ví dụ: Ngày 31/12/2014 kế toán thực hiện kết chuyển lãi lỗ của toàn bộ các hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp năm 2014.

Lợi nhuận trước thuế = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ + Doanh thu tài chính + Thu nhập khác - Giá vốn hàng bán - Chi phí tài chính - Chi phí bán hàng - Chi phí quản lý doanh nghiệp - Chi phí khác.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 99.133.162.402

- Doanh thu hoạt động tài chính: 718.940.087

- Giá vốn hàng bán: 80.032.652.998

- Chi phí tài chính: 770.420.292

- Chi phí bán hàng: 1.066.546.219

- Chi phí quản lý doanh nghiệp: 6.648.467.896

- Thu nhập khác: 0

- Chi phí khác: 0

- Kết quả kinh doanh = 99.133.162.402 + 718.940.087 + 0 - 80.032.652.998 - 770.420.292 - 1.066.546.219 - 6.648.467.896 - 0 = 11.334.015.092

Kết quả kinh doanh = 11.334.015.092 > 0 → lãi

Thuế TNDN phải nộp = 11.334.015.092 x 22% = 2.493.483.320

Lợi nhuận sau thuế = 11.334.015.092 x 78% = 8.840.531.770

Kế toán lập các phiếu hạch toán để kết chuyển doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

Căn cứ vào các Phiếu hạch toán, kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung từ số liệu trên nhật ký chung ghi vào sổ cái TK911 và các sổ cái khác liên quan. Từ sổ cái kế toán lập bảng cân đối số phát sinh, từ sổ cái và bảng cân đối số phát sinh lập báo cáo tài chính.

Biểu số 21:

Đơn vị: Công ty TNHH quốc tế Sin Joo Bo Việt Nam

Địa chỉ: Hưng Đạo-Dương Kinh-Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

STT	Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
1		31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	99.133.162.402
			Cộng			99.133.162.402

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 22:

Đơn vị: Công ty TNHH quốc tế Sin Joo Bo Việt Nam

Địa chỉ: Hưng Đạo-Dương Kinh-Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

STT	Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
1		31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	718.940.087
			Cộng			718.940.087

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 23:

Đơn vị: Công ty TNHH quốc tế Sin Joo Bo Việt Nam

Địa chỉ: Hưng Đạo-Dương Kinh-Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

STT	Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
1		31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	80.032.652.998
			Cộng			80.032.652.998

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 24:

Đơn vị: Công ty TNHH quốc tế Sin Joo Bo Việt Nam

Địa chỉ: Hưng Đạo-Dương Kinh-Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

STT	Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
1		31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	770.420.292
			Cộng			770.420.292

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 25:

Đơn vị: Công ty TNHH quốc tế Sin Joo Bo Việt Nam

Địa chỉ: Hưng Đạo-Dương Kinh-Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

STT	Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
1		31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	1.066.546.219
			Cộng			1.066.546.219

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 26:

Đơn vị: Công ty TNHH quốc tế Sin Joo Bo Việt Nam

Địa chỉ: Hưng Đạo-Dương Kinh-Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

STT	Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
1		31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	6.648.467.896
			Cộng			6.648.467.896

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 27:

Đơn vị: Công ty TNHH quốc tế Sin Joo Bo Việt Nam

Địa chỉ: Hưng Đạo-Dương Kinh-Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

STT	Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
1		31/12	Xác định thuế TNDN năm 2014	821	3334	2.493.483.320
			Cộng			2.493.483.320

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 28:

Đơn vị: Công ty TNHH quốc tế Sin Joo Bo Việt Nam

Địa chỉ: Hưng Đạo-Dương Kinh-Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

STT	Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
1		31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN năm 2014	911	821	2.493.483.320
			Cộng			2.493.483.320

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 29:

Đơn vị: Công ty TNHH quốc tế Sin Joo Bo Việt Nam

Địa chỉ: Hưng Đạo-Dương Kinh-Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

STT	Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
1		31/12	Kết chuyển lãi năm 2014	911	421	8.840.531.770
			Cộng			8.840.531.770

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 30: Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH quốc tế SinJooBo VN

Mẫu số S03a-DN

Địa chỉ: Hưng Đạo-Dương Kinh-Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2014

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
31/12	PHT	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	99.133.162.402	
				911		99.133.162.402
31/12	PHT	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	718.940.087	
				911		718.940.087
31/12	PHT	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	80.032.652.998	
				632		80.032.652.998
31/12	PHT	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911	770.420.292	
				635		770.420.292
31/12	PHT	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	1.066.546.219	
				641		1.066.546.219
31/12	PHT	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	6.648.467.896	
				642		6.648.467.896
31/12	PHT	31/12	Xác định thuế TNDN 2014	821	2.493.483.320	
				3334		2.493.483.320
31/12	PHT	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành 2014	911	2.493.483.320	
				821		2.493.483.320
31/12	PHT	31/12	Kết chuyển lãi 2014	911	8.840.531.770	
				421		8.840.531.770
Tổng cộng					236.004.781.400	236.004.781.400

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

Biểu số 31: Sổ cái 911

Đơn vị: Công ty TNHH quốc tế SinJooBo VN

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Hưng Đạo-Dương Kinh-Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2014

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: TK911

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số PS trong kỳ			
PHT	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		99.133.162.402
PHT	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		718.940.087
PHT	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	80.032.652.998	
PHT	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	635	770.420.292	
PHT	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	641	1.066.546.219	
PHT	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	642	6.648.467.896	
PHT	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN 2014	821	2.493.483.320	
PHT	31/12	Kết chuyển lãi 2014	421	8.840.531.770	
		Cộng SPS		99.852.102.490	99.852.102.490
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

Biểu số 32: Sổ cái 821

Đơn vị: Công ty TNHH quốc tế SinJooBo VN

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Hưng Đạo-Dương Kinh-Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2014

Tên tài khoản: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu: TK821

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số PS trong kỳ			
PHT	31/12	Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp 2014	3334	2.493.483.320	
PHT	31/12	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	911		2.493.483.320
		Cộng số phát sinh		2.493.483.320	2.493.483.320
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập sổ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, đóng dấu)

Biểu số 33: Sổ cái 421

Đơn vị: Công ty TNHH quốc tế SinJooBo VN

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Hưng Đạo-Dương Kinh-Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2014

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: TK421

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			1.299.171.860
		Số PS trong kỳ			
PHT	31/12	Kết chuyển lãi năm 2014	911		8.840.531.770
		Cộng số phát sinh			8.840.531.770
		Số dư cuối kỳ			10.139.703.630

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập sổ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, đóng dấu)

Biểu số 34: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014

Đơn vị: Công ty TNHH quốc tế Sin Joo Bo Việt Nam

Mẫu số B02 - DN

Địa chỉ: Khu Tiểu Trà-Đa Phúc-Dương Kinh-HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Số năm nay	Số năm trước
1.Doanh thu bán hàng và CCDV	01	99.133.162.402	122.360.300.377
2.Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-
3.Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV(10=01-02)	10	99.133.162.402	122.360.300.377
4.Giá vốn hàng bán	11	80.032.652.998	116.478.096.997
5.Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV(20=10-11)	20	19.100.509.410	5.882.203.400
6.Doanh thu hoạt động tài chính	21	718.940.087	714.655.758
7.Chi phí tài chính	22	770.420.292	716.229.352
-Trong đó: Chi phí lãi vay	23	770.420.292	716.229.352
8.Chi phí bán hàng	24	1.066.546.219	772.199.928
9.Chi phí QLDN	25	6.648.467.896	1.025.511.574
10.Lợi nhuận thuần từ HĐKD {30=20+(21-22)-(24+25)}	30	11.334.015.090	4.082.918.304
11.Thu nhập khác	31	-	-
12.Chi phí khác	32	-	-
13.Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	-	-
14.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50	11.334.015.090	4.082.918.304
15.Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	2.493.483.320	1.020.729.576
16.Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-
17.Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	8.840.531.770	3.062.188.728
18.Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	-	-

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ SIN JOO BO VIỆT NAM

3.1 Đánh giá chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH quốc tế Sin Joo Bo Việt Nam

3.1.1 Kết quả đạt được

📌 Về tổ chức bộ máy kế toán:

Bộ máy kế toán của công ty TNHH quốc tế Sin Joo Bo Việt Nam được tổ chức theo mô hình kế toán tập trung. Việc áp dụng mô hình này là rất phù hợp với đặc điểm ngành nghề, đặc điểm tổ chức quản lý cũng như quy mô sản xuất của công ty. Cơ cấu của phòng tài chính kế toán gọn nhẹ và hoàn toàn phù hợp với yêu cầu công việc và trình độ chuyên môn của từng người. Nhân viên kế toán với trình độ chuyên môn cao, có tính độc lập, nhiệt tình luôn hoàn thành tốt công việc được giao, chưa để xảy ra sai phạm đáng kể nào trong kinh tế tài chính, hạch toán thống kê. Giám sát và quản lý các chi phí phát sinh theo đúng pháp luật quy định của công ty.

📌 Về hệ thống chứng từ :

- Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kế toán phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định.
- Chứng từ được phân loại theo hệ thống rõ ràng, việc luân chuyển chứng từ được thực hiện tương đối nhanh chóng, kịp thời.
- Trên các chứng từ thông tin được ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

📌 Về việc vận dụng hệ thống tài khoản:

Hệ thống tài khoản kế toán tại công ty áp dụng theo quyết định 15/2006 ban hành ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính, việc sử dụng tài khoản phù hợp với hệ thống tài khoản do BTC ban hành và sử dụng tương đối đầy đủ hệ thống tài khoản theo chế độ kế toán doanh nghiệp.

📌 Về hệ thống sổ sách kế toán:

Các sổ kế toán được thực hiện và lưu trữ theo các chuẩn mực và quy định chung của nhà nước. Công ty đã mở tương đối đầy đủ sổ sách kế toán về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức nhật ký chung và theo

hình thức này sổ sách được ghi chép đơn giản, rõ ràng, đầy đủ, kết cấu dễ ghi, số liệu kế toán dễ đối chiếu kiểm tra, từ đó làm tăng hiệu quả của công tác kế toán.

✚ Về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

- Về tổ chức kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách chính xác, kịp thời và đầy đủ là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của công ty.

- Về tổ chức kế toán chi phí: Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý luôn quan tâm và tìm mọi cách để quản lý nhằm tránh lãng phí. Vì vậy, công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu được đảm bảo tính đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

- Về tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của ban lãnh đạo công ty về việc cung cấp thông tin một cách kịp thời và chính xác tình hình kinh doanh của công ty. Việc ghi chép dựa trên chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành và tình hình thực tế của công ty

3.1.2 Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm trên, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH quốc tế Sin Joo Bo Việt Nam còn một số mặt hạn chế sau:

✚ ***Thứ nhất:*** Về chứng từ sử dụng:

Hiện nay, công ty chưa đánh số cho các phiếu hạch toán trong kỳ dẫn tới khó khăn trong việc tìm kiếm, kiểm tra nếu như muốn xem lại.

✚ ***Thứ hai:*** Về tài khoản sử dụng:

Hiện nay công ty chưa mở tài khoản chi tiết cho TK511, TK632, TK642, dẫn đến việc khó theo dõi doanh thu, giá vốn cho từng mặt hàng và không theo dõi được chi tiết từng yếu tố chi phí phát sinh.

✚ ***Thứ ba:*** Về sổ sách kế toán sử dụng:

Công ty chưa mở sổ chi tiết bán hàng, sổ chi tiết giá vốn và sổ chi phí sản xuất kinh doanh dẫn đến công ty không theo dõi được doanh thu, giá vốn và lợi nhuận gộp của từng mặt hàng và khó theo dõi từng yếu tố chi phí quản lý phát sinh trong kỳ.

✚ ***Thứ tư:*** Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán

✚ ***Thứ năm:*** Về việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán

3.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH quốc tế Sin Joo Bo Việt Nam

3.2.1. Hoàn thiện chứng từ kế toán:

Công ty nên đánh số phiếu hạch toán theo tháng để dễ theo dõi và kiểm tra. Các phiếu hạch toán nên đánh số theo nguyên tắc liên tục từng tháng, mỗi tháng đánh lại từ đầu.

Ví dụ: PHT 01/01, PHT 01/02....

3.2.2. Hoàn thiện tài khoản kế toán:

Công ty nên mở sổ tài khoản chi tiết cho tài khoản 511 như sau:

- + Tài khoản 5112.1: Doanh thu bán áo thun nữ dài tay (MD-1493)
 - + Tài khoản 5112.2: Doanh thu bán áo thun nữ dài tay (MD-1494)
 - + Tài khoản 5112.3: Doanh thu bán áo thun nữ dài tay (MD-1366)
 - + Tài khoản 5112.4: Doanh thu bán áo thun nữ dài tay (MD-1335)
 - + Tài khoản 5112.5: Doanh thu bán váy đầm bé gái (ĐBG-150542B)
 - + Tài khoản 5112.6: Doanh thu bán váy đầm bé gái (ĐBG-150542C)
-

Công ty nên mở sổ tài khoản chi tiết cho tài khoản 632 như sau:

- + Tài khoản 632.1: Giá vốn áo thun nữ dài tay (MD-1493)
 - + Tài khoản 632.2: Giá vốn áo thun nữ dài tay (MD-1494)
 - + Tài khoản 632.3: Giá vốn áo thun nữ dài tay (MD-1366)
 - + Tài khoản 632.4: Giá vốn áo thun nữ dài tay (MD-1335)
 - + Tài khoản 632.5: Giá vốn váy đầm bé gái (ĐBG-150542B)
 - + Tài khoản 632.6: Giá vốn váy đầm bé gái (ĐBG-150542C)
-

Công ty nên mở sổ tài khoản chi tiết cho tài khoản 642 như sau:

- + Tài khoản 6421: chi phí nhân viên quản lý
- + Tài khoản 6422: chi phí vật liệu quản lý
- + Tài khoản 6423: chi phí đồ dùng văn phòng
- + Tài khoản 6424: chi phí khấu hao tài sản cố định
- + Tài khoản 6425: thuế, phí và lệ phí
- + Tài khoản 6426: chi phí dự phòng
- + Tài khoản 6427: chi phí dịch vụ mua ngoài
- + Tài khoản 6428: chi phí bằng tiền khác.

3.2.3. Hoàn thiện sổ sách kế toán:

*Công ty nên mở sổ chi tiết bán hàng, sổ chi tiết giá vốn cho từng mặt hàng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi doanh thu, giá vốn và lợi nhuận gộp của từng mặt hàng.

*Bên cạnh việc lập sổ chi tiết bán hàng và sổ chi tiết giá vốn, công ty cũng cần lập Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng và bảng tổng hợp chi tiết giá vốn. Cuối tháng, kế toán sẽ tiến hành tổng hợp số liệu từ các sổ chi tiết bán hàng, sổ chi tiết giá vốn vào bảng tổng hợp chi tiết bán hàng, bảng tổng hợp chi tiết giá vốn theo từng nhóm hàng. Sau đó kế toán sẽ đối chiếu số liệu trên bảng tổng hợp chi tiết bán hàng với sổ cái tài khoản 511 và đối chiếu số liệu trên bảng tổng hợp chi tiết giá vốn với sổ cái tài khoản 632 để kiểm tra xem số liệu có chính xác và hợp lí không. Việc lập các sổ này sẽ giúp cho công tác quản lý kế toán bán hàng được chặt chẽ và cụ thể hơn.

Sau đây em xin đưa ra mẫu sổ chi tiết bán hàng, sổ chi tiết giá vốn và mẫu bảng tổng hợp chi tiết bán hàng, bảng tổng hợp chi tiết giá vốn như sau:

Biểu số 3.1

Đơn vị :

Địa chỉ :

Mẫu số S35-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ -BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hoá ,dịch vụ,bất động sản đầu tư):.....

Năm.....

Quyển số :.....

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521,531,532)
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			Cộng số phát sinh						
			- Doanh thu thuần						
			- Giá vốn hàng bán						
			- Lãi gộp						

- Sổ này cótrang, đánh từ trang số 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Ngàytháng năm.....

Người ghi sổ
(Ký ,họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký ,họ tên)

Biểu số 3.2

Đơn vị :

Địa chỉ :

Mẫu số S38-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ -BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN

Tên sản phẩm

Năm.....

Quyển số :.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Số hiệu	Ngày tháng					
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2
			- Số dư đầu kỳ				
			-Số phát sinh trong kỳ				
			- Cộng SPS trong kỳ				
			-Số dư cuối kỳ				

- Sổ này cótrang, đánh từ trang số 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Ngàytháng năm.....

Người ghi sổ
(Ký ,họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký ,họ tên)

Biểu số 3.3

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tháng.....năm.....

STT	Tên thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ	Số phát sinh	
		Nợ	Có
	Cộng		

Ngày....tháng....năm.....

Người ghi sổ

(ký,họ tên)

Kế toán trưởng

(ký,họ tên)

Biểu số 3.4

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT GIÁ VỐN

Tháng.....năm.....

STT	Tên thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ	Số phát sinh	
		Nợ	Có
	Cộng		

Ngày....tháng....năm.....

Người ghi sổ

(ký,họ tên)

Kế toán trưởng

(ký,họ tên)

Em xin lập sổ chi tiết bán hàng và sổ chi tiết giá vốn áo thun nữ dài tay-MD1493

Biểu số 3.5

Đơn vị: Công ty TNHH quốc tế Sin Joo Bo Việt Nam
 Địa chỉ: Hưng Đạo-Dương Kinh-Hải Phòng

Mẫu số S35-DN
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm: Áo thun nữ dài tay-MD1493

Năm 2014

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Các khoản tính trừ
	Số hiệu	Ngày tháng						(521,531,532)
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh					
...
20/08	HĐXK 0000102	20/08	Bán hàng cho công ty Bofung Industries	131	288	239.506	68.977.728	
...
10/09	HĐGTGT 0000118	10/09	Bán hàng công ty CP Norfolk Hatexco	131	125	225.500	28.187.500	
...
			Cộng số phát sinh		5.773		2.687.945.302	
			Giá vốn hàng bán				2.579.024.365	
			Lãi gộp				108.920.937	

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập phiếu

Kế toán trưởng

Biểu số 3.6

Đơn vị: Công ty TNHH quốc tế Sin Joo Bo Việt Nam
Địa chỉ: Hưng Đạo-Dương Kinh-Hải Phòng

Mẫu số S38-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN

Tên sản phẩm: Áo thun nữ dài tay-MD1493

Năm 2014

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Số hiệu	Ngày tháng					
			Số dư đầu kỳ				
			Số phát sinh trong kỳ				
...
20/08	PX 61	20/08	Giá vốn hàng bán HĐ0000102 cho công ty Bofung Industries	155	288	158.800	45.734.400
...
10/09	PX 77	10/09	Giá vốn hàng bán HĐ0000118 cho công ty CP Norfolk Hatexco	155	125	154.000	19.250.000
...
			Cộng số phát sinh		5.773		2.579.024.365
			Số dư cuối kỳ				

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập phiếu

Kế toán trưởng

* Công ty nên mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK 642 sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi từng yếu tố chi phí phát sinh nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí tại công ty.

Sau đây em xin đưa ra mẫu sổ chi phí sản xuất kinh doanh như sau:

Biểu số 3.7:

Đơn vị:.....

Mẫu số S36-DN

Địa chỉ:.....

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các TK 621,622,623,627,154,631,641,642,142,242,335,632)

-Tài khoản:.....

-Tên phân xưởng:.....

-Tên sản phẩm, dịch vụ:.....

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Ghi Nợ tài khoản...				
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra			
					
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Số dư đầu kỳ						
			Số phát sinh trong kỳ						
			Ghi Có TK						
			Cộng SPS trong kỳ						
			Số dư cuối kỳ						

-Số này có... trang, đánh từ trang số 01 đến trang...

Ngày.... tháng.... năm..... .

Người ghi sổ

(ký,họ tên)

Kế toán trưởng

(ký,họ tên)

Em xin lập sổ chi phí sản xuất kinh doanh như sau:

Biểu số 3.8:

Đơn vị: Công ty TNHH quốc tế Sin Joo Bo Việt Nam

Địa chỉ: Hưng Đạo-Dương Kinh-Hải Phòng

Mẫu số S36-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các TK 621,622,623,627,154,631,641,642,142,242,335,632)

Tài khoản: 642

Năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Ghi Nợ tài khoản								
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra							
						6421	6422	6423	6424	6425	6427	6428	
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	
			Số dư đầu kỳ		-	-	-	-	-	-	-	-	
			Số phát sinh trong kỳ										
...	
06/10	PC94	06/10	Thanh toán tiền thuê xe đi công tác	1111	5.909.000							5.909.000	
...	
15/10	PC99	15/10	Thanh toán tiền cước viễn thông tháng 10	1111	419.821						419.821		
...	
24/10	PC 105	24/10	Chi tiếp khách	111	3.000.000							3.000.000	
			Ghi có TK 911		6.648.467.896								
			Cộng SPS trong kỳ		6.648.467.896	2.592.604.809	108.752.129	111.324.245	722.952.454	481.053.087	969.015.136	1.662.766.036	
			Số dư cuối kỳ										

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

3.2.4. Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán:✧ Áp dụng chiết khấu thương mại :

Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thương mại sẽ giúp kích thích việc khách hàng mua với số lượng lớn làm tăng khả năng tiêu thụ hàng.

Hiện nay không có văn bản chính thức nào quy định cụ thể về mức chiết khấu thương mại, công ty có thể căn cứ vào sản lượng tiêu thụ, giá bán thực tế của công ty. Đồng thời công ty có thể tính toán tỷ lệ chiết khấu đầu vào được hưởng khi mua nhiều để xây dựng chính sách thương mại riêng phù hợp với tình hình kinh doanh của công ty.

✧ Phương pháp hạch toán:

- + Tài khoản sử dụng: TK 5211 – “Chiết khấu thương mại” vì giải pháp áp dụng CKTM, em đề xuất công ty sử dụng vào nhiều năm tiếp theo nên em sử dụng hệ thống tài khoản theo thông tư 200 để hạch toán chiết khấu thương mại.

- + Phương pháp hạch toán:

Nợ TK 5211: Chiết khấu thương mại

Nợ TK 3331: Thuế GTGT tương ứng

Có TK 131,111,112:

Cuối năm, kết chuyển số chiết khấu thương mại phát sinh trong kỳ sang tài khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, ghi:

Nợ TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 5211: Chiết khấu thương mại

✧ Áp dụng chiết khấu thanh toán

Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán. Việc sử dụng chiết khấu thanh toán sẽ giúp cho công ty khuyến khích khách hàng thanh toán nhanh chóng tiền hàng trước hạn, tránh tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn lớn, lâu dài.

- Phương pháp xác định:

Mức chiết khấu thanh toán có thể được công ty dựa trên thực tế của công ty, nhưng cũng có thể tham khảo của một số doanh nghiệp cùng ngành tương đồng về quy mô. Tỷ lệ chiết khấu thanh toán được kế toán ước tính căn cứ vào quy mô nợ, tình hình thanh toán, thời gian trả nợ trước hạn và tỷ lệ lãi suất của ngân hàng.

- Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 635 – “ chi phí hoạt động tài chính”.

➤ Phương pháp hạch toán:

❶ Khi phát sinh nghiệp vụ chiết khấu thanh toán, ghi:

Nợ TK 635: chi phí hoạt động tài chính

Có TK 111,112,131

❷ Cuối năm, kết chuyển chiết khấu thanh toán sang tài khoản xác định kết quả kinh doanh, ghi:

Nợ TK 911: Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Có TK 635: chiết khấu thanh toán cho khách hàng.

3.2.5. Sử dụng phần mềm kế toán:

Phần mềm kế toán đã và đang trở thành một trong những công cụ hiệu quả trong công tác kế toán. Trong tháng phát sinh nhiều nghiệp vụ phát sinh cần phải ghi chép nhiều mà công việc kế toán chủ yếu tiến hành bằng Excel sẽ không tránh khỏi những sai sót. Do vậy, việc sử dụng phần mềm kế toán là cần thiết cho công tác kế toán.

* Ưu điểm của việc sử dụng phần mềm kế toán

- Giảm bớt công việc ghi chép, tiết kiệm thời gian, giúp kế toán giải quyết được các phép tính phức tạp mà chỉ cần nhập số liệu và làm thao tác.

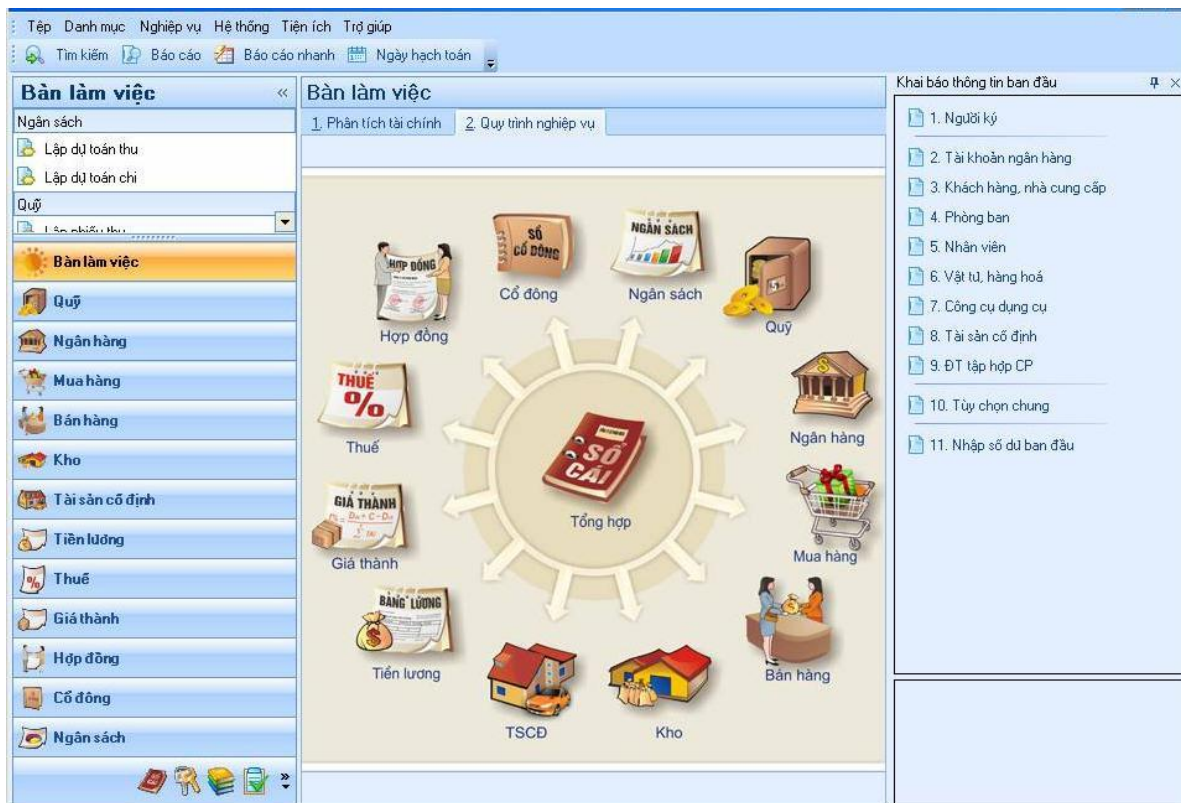
- Tạo điều kiện cho việc thu thập, xử lý thông tin

- Đảm bảo tính chính xác và sự tin tưởng vào các báo cáo tài chính mà công ty cung cấp.

- Hỗ trợ tối đa công tác hạch toán, sổ sách theo quy định

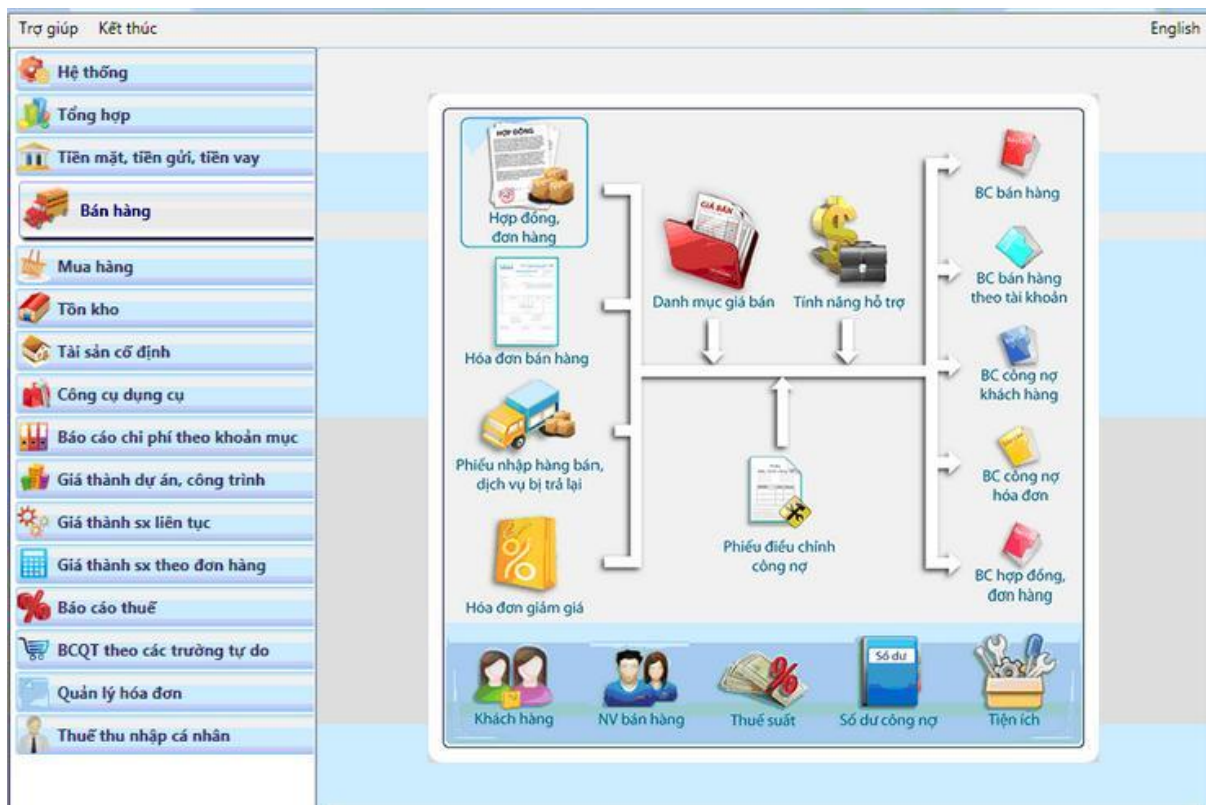
Ba phần mềm kế toán phổ biến nên dùng hiện nay:

1. **Phần mềm kế toán Misa**: là giải pháp cho các loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ và được áp dụng trong các trường hợp như: Doanh nghiệp mới thành lập, doanh nghiệp thương mại đơn giản, và mức độ quản lý không quá phức tạp, doanh nghiệp có yêu cầu quản trị cao hơn và mô hình hoạt động lớn ở mức tương đối, doanh nghiệp thực hiện kinh doanh ở nhiều lĩnh vực.



[Phần mềm kế toán Misa](#) có ưu điểm là dễ sử dụng bởi giao diện trực quan và thân thiện với người dùng, những người mới bắt đầu sử dụng phần mềm cũng sẽ cảm thấy thoải mái, không nhức mắt, cho phép cập nhật dữ liệu như nhiều hóa đơn 1 phiếu chi một cách linh hoạt, các mẫu giấy tờ chứng từ tuân theo quy định ban hành. Và điểm nổi trội nữa của Misa là chức năng thao tác lưu và ghi sổ dữ liệu khá quan trọng. và công nghệ bảo mật dữ liệu cao vì phần mềm Misa chạy trên cơ sở dữ liệu Sql và tính chính xác trong việc xử lý số liệu tính toán cũng rất chính xác.

2. [Phần mềm kế toán Fast](#): là giải pháp cho các loại hình doanh nghiệp có quy mô từ nhỏ đến lớn điển hình là các doanh nghiệp lớn phải cần báo cáo về việc quản lý, hay các doanh nghiệp xây dựng sản xuất thì nên dùng [phần mềm kế toán fast](#). Và chắc chắn Fast cũng sẽ có nhiều ưu điểm như: giao diện cũng rất dễ làm việc, luôn cập nhật những thay đổi mới nhất về các chính sách điều khoản thuế, thông tư và các nghị định của Bộ tài chính, bám sát các chế độ kế toán hiện hành, và xử lý dữ liệu số liệu một cách nhanh, Cho phép kết xuất báo cáo ra Excell với mẫu biểu sắp xếp đẹp.



Giờ việc hạch toán sổ sách bằng tay không còn nhiều người áp dụng thay vào đó là các phần mềm kế toán chuyên dụng giúp tiết kiệm thời gian và công sức làm việc cho những người kế toán. Do đó các bạn sinh viên mới ra trường hay những người đi làm nên trang bị trước những kiến thức và kỹ năng thành thạo các phần mềm kế toán để tiện cho công việc hơn.

3. Phần mềm kế toán LinkQ: là phần mềm được xây dựng trên công cụ lập trình tiên tiến C#.NET, cơ sở dữ liệu SQL Server tích hợp trên Font chuẩn Unicode.



- Mô hình cấp dữ liệu cho phép tập hợp và quản lý theo sơ đồ Tổng công ty - công ty thành viên- chi nhánh.
- Tính linh động, dễ chỉnh sửa: cho phép người dùng khai báo thêm các trường thông tin để theo dõi.
- Theo dõi và hạch toán song song nhiều loại tiền tệ.
- Cho phép làm việc trên nhiều cửa sổ trong cùng 1 thời điểm, di chuyển nhanh đến danh mục hay chứng từ trên nhiều phân hệ khác.
- Giao diện và báo cáo tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Hoa và ngôn ngữ khác do người dùng tự định nghĩa.
- Kết xuất dữ liệu ra bộ office dễ dàng, kết xuất trực tiếp qua HTTK, iHTKK, TaxOnline.
- Tích hợp trên nhiều hệ điều hành như: Winxp, Vista, Win 7
- Có thể kết nối dữ liệu từ xa (trường hợp bán hàng có showroom, chi nhánh, công ty con..)

KẾT LUẬN

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có một ý nghĩa hết sức quan trọng trong doanh nghiệp và quyết định sự tồn tại của doanh nghiệp. Qua việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh mà người quản lý có thể xác định được doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh có hiệu quả hay không. Để từ đó có thể đưa ra các chiến lược phù hợp giúp đẩy mạnh sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp. Đồng thời việc hạch toán này còn giúp cho các nhà đầu tư tìm hiểu về tình hình hoạt động tại doanh nghiệp và quyết định có nên đầu tư tại doanh nghiệp không.

Sau 2 tháng thực tập tại công ty TNHH quốc tế Sin Joo Bo Việt Nam, giúp em nêu được các vấn đề nhận thức về kế toán doanh thu, kế toán chi phí quản lý và xác định kết quả kinh doanh của và phản ánh được tình hình số liệu công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh của công ty. Và đưa ra được những ý kiến nhằm hoàn thiện công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Do thời gian thực tập có hạn, nhận thức về bản thân còn hạn chế nên khóa luận của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, em mong nhận được sự chỉ bảo, ý kiến đóng góp từ phía thầy cô, nhà trường, ban giám đốc và phòng kế toán tại công ty để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn cô giáo- Thạc sĩ Trần Thị Thanh Phương, các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh và các chị trong phòng kế toán tại công ty TNHH quốc tế Sin Joo Bo Việt Nam đã giúp em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp.

Hải phòng, ngày tháng năm 2014

Sinh viên

Đặng Thị Phương Hạnh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. GS.TS. Đặng Thị Loan, *Giáo trình kế toán tài chính trong các doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Đại học kinh tế Quốc dân, 2009
2. PGS. TS Nguyễn Văn Nhị, *Kế toán tài chính*, Nhà xuất bản Tài chính, 2007
3. *Chế độ kế toán doanh nghiệp*, Nhà xuất bản tài chính, 2006
4. Tài liệu thực tế tại công ty TNHH quốc tế Sin Joo Bo Việt Nam